

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN XUÂN NGÀN

**BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG
TRONG LĨNH VỰC VỆ SINH, AN TOÀN THỰC PHẨM
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN XUÂN NGÀN

**BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG
TRONG LĨNH VỰC VỆ SINH, AN TOÀN THỰC PHẨM
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số : 60 38 01 07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. NGUYỄN VĂN CƯỜNG**

HÀ NỘI – 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan:

Luận văn Thạc sĩ luật học: **“Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Dương”** là công trình nghiên cứu riêng của tôi.

Các dữ liệu, thông tin nêu trong luận văn là trung thực; các luận điểm của tác giả khác được trích dẫn nguồn đúng quy định.

Toàn bộ nội dung của luận văn là do tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của Tiến sĩ Luật học Nguyễn Văn Cương. Tôi xin chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan của các nội dung được trình bày trong luận văn.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Tác giả

Nguyễn Xuân Ngân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG LĨNH VỰC VỆ SINH, AN TOÀN THỰC PHẨM.....	7
1.1. Khái quát về vệ sinh, an toàn thực phẩm	7
1.2. Nhận diện người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm...	11
1.3. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm	16
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG LĨNH VỰC VỆ SINH, AN TOÀN THỰC PHẨM TẠI BÌNH DƯƠNG.....	20
2.1. Thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm.....	20
2.2. Thực tiễn thi hành pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm tại Bình Dương	47
Chương 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG LĨNH VỰC VỆ SINH, AN TOÀN THỰC PHẨM TẠI TỈNH BÌNH DƯƠNG.....	61
3.1. Bối cảnh và dự báo tình hình	61
3.2. Kiến nghị.....	66
3.3. Nhóm các giải pháp.....	69
KẾT LUẬN	73
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	75

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

VSATTP	Vệ sinh, an toàn thực phẩm
ATTP	An toàn thực phẩm
NTD	Người tiêu dùng
HĐND	Hội Đồng Nhân Dân
QLTT	Quản lý thị trường

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vệ sinh, an toàn thực phẩm (VSATTP) là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt đối với toàn xã hội. Được tiếp cận với thực phẩm an toàn đang trở thành quyền cơ bản đối với mỗi con người. VSATTP không chỉ ảnh hưởng trực tiếp, thường xuyên đến sức khỏe của người tiêu dùng mà còn liên quan chặt chẽ đến năng suất, hiệu quả phát triển kinh tế, thương mại, du lịch và an sinh xã hội. Do đó, việc đảm bảo VSATTP nói chung và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực VSATTP nói riêng góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

Ở nước ta hiện nay, thực trạng VSATTP đang tạo ra nhiều lo lắng cho người tiêu dùng và an toàn xã hội. Nhiều vụ vi phạm liên tiếp xảy ra trong thời gian gần đây như: măng tươi nhiễm chất vàng ô dùng để nhuộm vải ở Đà Nẵng, ngộ độc bánh mì ở Đà Lạt, nước uống rồng đỏ và C2 bị phát hiện nhiễm độc chì sau khi đã tiêu thụ trên thị trường một thời gian dài, tình trạng sử dụng hóa chất cấm dùng trong nuôi trồng, chế biến nông, thủy sản, thực phẩm, việc sản xuất một số sản phẩm kém chất lượng do quy trình chế biến hoặc do nhiễm độc từ môi trường, trường hợp hơn 100 công nhân Công ty Apparel Far Eastern Việt Nam (sản xuất hàng may mặc tại một KCN thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương) bị ngộ độc...Trong các vụ việc vừa nêu, đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp chính là người tiêu dùng. Vì thế, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực VSATTP đang được toàn xã hội quan tâm đòi hỏi nhà nước cần tập trung giải quyết một cách căn cơ nhằm khôi phục lại niềm tin của người tiêu dùng.

Với sự quan tâm của Nhà nước, trong thời gian qua nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành nhằm kiểm soát VSATTP, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực quan trọng này. Trong số đó phải kể tới

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 và Luật An toàn thực phẩm năm 2010. Đây là hai đạo Luật then chốt trong việc kiểm soát hành vi buôn bán, kinh doanh thực phẩm bẩn, kém chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực VSATTP. Tuy nhiên, sau hơn 6 năm triển khai trên thực tiễn, hai đạo Luật này đã bộc lộ không ít hạn chế và thực tiễn cho thấy cả hai đạo luật này chưa thể trở thành công cụ hiệu quả để bảo vệ tốt nhất, tối ưu nhất quyền lợi của người tiêu dùng thực phẩm. Quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực VSATTP vẫn đang và có nguy cơ bị vi phạm nghiêm trọng.

Nhằm góp phần làm sáng tỏ thêm các khía cạnh thực tiễn đã nêu, tác giả đã mạnh dạn lựa chọn đề tài ***“Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Dương”*** làm đề tài luận văn tốt nghiệp cao học chuyên ngành Luật Kinh tế tại Học viện Khoa học xã hội cho khóa học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm là một chủ đề nghiên cứu còn khá mới ở Việt Nam. Mặc dù vậy, liên quan tới chủ đề này cũng đã có một số công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện:

- Đề tài khoa học cấp Bộ “Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo vệ người tiêu dùng trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam” do ThS. Đinh Thị Mai Phương chủ nhiệm, năm 2008 tại Viện Khoa học pháp lý;
- Luận án TS luật học “Hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở Việt Nam hiện nay” do Nguyễn Thị Thu thực hiện, năm 2013 tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
- Luận án TS luật học “Giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với thương nhân ở Việt Nam hiện nay” do Nguyễn Trọng Điệp thực hiện, năm 2014 tại Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam;

Bên cạnh đó, còn có các đề tài nghiên cứu về vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong từng lĩnh vực cụ thể của đời sống:

- Luận văn ThS luật học “Pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong hợp đồng gia nhập”, do Lò Thủy Linh thực hiện, năm 2010 tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Luận văn ThS luật học “Pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực kinh doanh siêu thị”, do Nguyễn Thanh Hiếu thực hiện, năm 2015 tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Riêng đối với lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm có các công trình nghiên cứu sau:

- Luận văn ThS luật học “Pháp luật về kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm trong hợp đồng thương mại ở Việt Nam”, do Đặng Công Hiến thực hiện, năm 2010 tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Luận văn ThS luật học “Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh thực phẩm theo pháp luật nước ta hiện nay”, do Nguyễn Diệu Vũ thực hiện, năm 2016 tại Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam;

Mặc dù vậy, cho tới nay, chưa có công trình nghiên cứu nào ở quy mô luận văn thạc sĩ luật học đề cập sâu về khía cạnh lý luận và thực tiễn bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Dương. Đây chính là cơ hội của bản thân học viên khi chọn chủ đề nghiên cứu về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm từ thực tiễn tỉnh Bình Dương làm chủ đề nghiên cứu luận văn thạc sĩ luật học.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn được thực hiện nhằm làm sáng tỏ thêm một số khía cạnh lý luận và thực tiễn về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực VSATTP nói chung và từ thực tiễn tỉnh Bình Dương nói riêng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở mục đích nghiên cứu, tác giả làm rõ những kết quả đạt được cũng như những hạn chế vướng mắc trong pháp luật và thực thi pháp luật an toàn thực phẩm tại tỉnh Bình Dương hiện nay, chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc này. Luận văn cũng đề xuất những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế, biện pháp tổ chức để nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, tăng cường vai trò của các cơ quan bảo vệ pháp luật, các cơ quan khác có liên quan, các tổ chức xã hội, người dân, cộng đồng trong công tác thi hành pháp luật VSATTP hướng tới bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp tại Bình Dương.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Trong phạm vi của một luận văn Thạc sĩ, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu một số vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn tại tỉnh Bình Dương về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm trên cơ sở các quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và Luật An toàn thực phẩm năm 2010, cũng như trong các văn bản pháp luật khác có liên quan.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Bên cạnh việc nghiên cứu các vấn đề lý luận, luận văn còn tập trung nghiên cứu các quy định mang tính đặc thù, đánh giá sự phù hợp trong quá trình áp dụng pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm theo pháp luật Việt Nam và liên hệ với thực tiễn tỉnh Bình Dương.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Đề tài còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:
 - + Phương pháp phân tích (được sử dụng chủ yếu, xuyên suốt nhằm làm sáng tỏ những nội dung trong giới hạn phạm vi nghiên cứu của đề tài);
 - + Phương pháp tổng hợp (được sử dụng để khái quát hóa các nội dung đã phân tích một cách có hệ thống và súc tích);
 - + Phương pháp thống kê (được sử dụng để trình bày các số liệu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu).

Tất cả các phương pháp trên được sử dụng kết hợp nhằm làm sáng tỏ nội dung của đề tài.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn đã giải quyết được những vấn đề mang tính hệ thống và toàn diện những vấn đề lý luận liên quan đến bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực đặc biệt đó là vệ sinh, an toàn thực phẩm. Luận văn nêu lên được các luận điểm có ý nghĩa quan trọng làm cơ sở cho những nhận xét và đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật trên thực tiễn. Tạo nền tảng để hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Trong quá trình phân tích các quy định của pháp luật, cùng với việc đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền lợi của người tiêu

dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm từ thực tiễn tỉnh Bình Dương. Tác giả đã tìm ra được những hạn chế, đồng thời nêu rõ nguyên nhân của những hạn chế đó và đề xuất những kiến nghị hoàn thiện về mặt pháp luật, để tạo hành lang pháp lý hiệu quả trong công cuộc chống đại dịch “thực phẩm bẩn, thực phẩm không an toàn” để bảo vệ tốt nhất quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm.

7. Cơ cấu

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được tác giả trình bày trong 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm.

Chương 2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm tại Bình Dương.

Chương 3. Một số kiến nghị, giải pháp nhằm tăng cường bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm tại tỉnh Bình Dương.

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI
NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG LĨNH VỰC
VỆ SINH, AN TOÀN THỰC PHẨM

1.1. Khái quát về vệ sinh, an toàn thực phẩm

Thực phẩm theo nghĩa thông thường là những sản phẩm được sử dụng để con người ăn hoặc uống. Theo Từ điển Tiếng Việt của Nhà xuất bản Đà Nẵng, thực phẩm là “các thứ dùng làm món ăn như thịt, cá trứng...”. Tuy nhiên, trong lĩnh vực pháp luật, thực phẩm được hiểu theo nghĩa rộng hơn. Theo Luật ATTP năm 2010, “thực phẩm là sản phẩm mà con người ăn, uống ở dạng tươi sống hoặc đã qua sơ chế, chế biến, bảo quản. Thực phẩm không bao gồm mỹ phẩm, thuốc lá và các chất sử dụng như dược phẩm”.[24] Thực phẩm là một loại tư liệu sinh hoạt tiêu dùng quan trọng hàng đầu, một trong những loại sản phẩm thiết yếu để duy trì sự tồn tại và phát triển của mỗi cá nhân con người, mỗi gia đình, mỗi cộng đồng và mỗi quốc gia. Sức khỏe, sự thịnh vượng của mỗi cá nhân, mỗi gia đình, mỗi cộng đồng và mỗi quốc gia có liên quan mật thiết tới số lượng và chất lượng thực phẩm mà cá nhân, gia đình, cộng đồng hoặc quốc gia đó tiêu thụ.

Do thực phẩm là một trong những sản phẩm được sử dụng để đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho việc duy trì sức khỏe, tính mạng và sự tồn tại của người tiêu dùng. Bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm (hay còn gọi tắt là bảo đảm ATTP) không chỉ là nhu cầu cần thiết, chính đáng của mỗi người tiêu dùng mà còn liên quan trực tiếp đến sự phát triển nòi giống của dân tộc, chính vì vậy, đây là điều rất hệ trọng. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau, không ít nhà sản xuất và kinh doanh thực phẩm đã sử dụng biện pháp bảo quản thực phẩm, sử dụng chất kích thích tăng trưởng trong nuôi trồng nguồn nguyên liệu thực phẩm không hợp lý, tiềm ẩn nguy cơ gây hại tới sức khỏe, tính mạng

của người tiêu dùng. Điều đó làm cho việc bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trở nên báo động hơn bao giờ hết.

Bảo đảm chất lượng vệ sinh, an toàn thực phẩm giữ vị trí quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ sức khỏe nhân dân, góp phần giảm tỷ lệ mắc bệnh, duy trì và phát triển nòi giống, tăng cường sức lao động, học tập, thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, văn hóa xã hội và thể hiện nếp sống văn minh. Mặc dù, cho đến nay đã có khá nhiều tiến bộ về khoa học kỹ thuật trong công tác bảo vệ và bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm, cùng sự thực hiện nhiều biện pháp quản lý khác nhau, nhưng tình trạng mất an toàn thực phẩm cùng các bệnh do người tiêu dùng sử dụng thực phẩm kém chất lượng, kém an toàn, vệ sinh thực phẩm vẫn rất đáng báo động.

An toàn, vệ sinh thực phẩm hiểu theo nghĩa hẹp là một môn khoa học dùng để mô tả việc xử lý, chế biến, bảo quản và lưu trữ thực phẩm bằng những phương pháp phòng ngừa, phòng chống bệnh tật do thực phẩm gây ra. Vệ sinh, an toàn thực phẩm cũng bao gồm một số thói quen, thao tác trong khâu chế biến cần được thực hiện để tránh các nguy cơ tác động tiêu cực tới sức khỏe con người. Hiểu theo nghĩa rộng thì vệ sinh, an toàn thực phẩm là toàn bộ những vấn đề cần xử lý để thực phẩm đảm bảo sự an toàn cho sức khỏe của người tiêu dùng.

Nói tóm lại, vệ sinh, an toàn thực phẩm là “việc bảo đảm để thực phẩm không gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người”.[24]

Y học đã chứng minh rằng, việc sử dụng thực phẩm không an toàn có thể gây ra ngộ độc thực phẩm hoặc các loại bệnh tật cho con người trong đó có cả những bệnh hiểm nghèo như ung thư, các bệnh mãn tính. Thực tế cho thấy, các hóa chất độc hại như thuốc bảo vệ thực vật (thuốc trừ sâu, trừ bệnh và thuốc trừ cỏ dại...), thuốc kích thích tăng trưởng, kim loại nặng, các vi sinh vật gây bệnh có trong các loại rau quả hoặc các chất kháng sinh, chất tăng

trọng có trong thịt, cá sẽ tích lũy dần trong các mô mỡ, tủy sống...của con người là tiền đề để phát sinh các loại bệnh nguy hiểm như ung thư, loãng xương, suy giảm trí nhớ và thoái hóa xương khớp. Theo báo cáo của tổ chức y tế thế giới về đánh giá chương trình hành động đảm bảo chất lượng an toàn, vệ sinh thực phẩm trên toàn cầu đã xác định được nguyên nhân gây tử vong hàng đầu cho trẻ em là các bệnh đường tiêu hóa, trong đó phổ biến là ỉa chảy. Đồng thời nguyên nhân trong gây ra các bệnh trên là do thực phẩm nhiễm khuẩn. Ước tính mỗi phút trên thế giới ở những nước đang phát triển có 06 trẻ em chết vì tiêu chảy, trong đó có 04 em chết vì ngộ độc thực phẩm. Mặc dù vậy, không ít người tiêu dùng chưa thực sự quan tâm thỏa đáng đến việc bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm, còn khá dễ dãi trong việc chọn lựa, mua các thực phẩm thiết yếu tiêu dùng hàng ngày (như thịt, cá, rau...) để mình tiêu dùng hoặc tiêu dùng cho người thân của mình. Điều đáng nói là, kể cả khi người tiêu dùng đã có ý thức quan tâm bảo vệ sức khỏe của bản thân nhưng trong tình hình thực phẩm chưa an toàn đang lưu hành rộng rãi thì việc chọn lựa cho đúng, chuẩn xác thực phẩm an toàn cũng là thách thức rất lớn. Chính vì vậy, việc bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm có tầm quan trọng trong đời sống xã hội, cụ thể:

Tầm quan trọng của vệ sinh an toàn thực phẩm đối với sức khỏe, bệnh tật

Trước mắt, thực phẩm là nguồn cung cấp chất dinh dưỡng cho sự phát triển của cơ thể, đảm bảo sức khỏe con người nhưng đồng thời cũng là nguồn có thể gây bệnh nếu không đảm bảo vệ sinh. Không có thực phẩm nào được coi là có giá trị dinh dưỡng nếu nó không đảm bảo vệ sinh.

Về lâu dài thực phẩm không những có tác động thường xuyên đối với sức khỏe mỗi con người mà còn ảnh hưởng lâu dài đến nòi giống của dân tộc. Sử dụng các thực phẩm không đảm bảo vệ sinh trước mắt có thể bị ngộ độc

cấp tính với các triệu chứng ồ ạt, dễ nhận thấy, nhưng vấn đề nguy hiểm hơn nữa là sự tích lũy dần các chất độc hại ở một số cơ quan trong cơ thể sau một thời gian mới phát bệnh hoặc có thể gây các dị tật, dị dạng cho thế hệ mai sau. Những ảnh hưởng tới sức khỏe đó phụ thuộc vào các tác nhân gây bệnh, những trẻ suy dinh dưỡng, người già, người ốm càng nhạy cảm với các bệnh do thực phẩm không an toàn nên càng có nguy cơ suy dinh dưỡng và bệnh tật nhiều hơn.

Vệ sinh an toàn thực phẩm tác động đến kinh tế và xã hội

Đối với nước ta cũng như nhiều nước đang phát triển, lương thực, thực phẩm là một loại sản phẩm chiến lược, ngoài ý nghĩa kinh tế còn có ý nghĩa chính trị, xã hội rất quan trọng.

Vệ sinh, an toàn thực phẩm nhằm tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Để cạnh tranh trên thị trường quốc tế, thực phẩm không những cần được sản xuất, chế biến, bảo quản phòng tránh ô nhiễm các loại vi sinh vật mà còn không được chứa các chất hóa học tổng hợp hay tự nhiên vượt quá mức quy định cho phép của tiêu chuẩn quốc tế hoặc quốc gia, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

Những thiệt hại khi không đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm gây nên nhiều hậu quả khác nhau, từ bệnh cấp tính, mạn tính đến tử vong. Thiệt hại chính do các bệnh gây ra từ thực phẩm đối với cá nhân là chi phí khám bệnh, phục hồi sức khỏe, chi phí do phải chăm sóc người bệnh, sự mất thu nhập do phải nghỉ làm... Đối với nhà sản xuất, đó là những chi phí do phải thu hồi, lưu giữ sản phẩm, hủy hoặc loại bỏ sản phẩm, những thiệt hại do mất lợi nhuận do thông tin quảng cáo... và thiệt hại lớn nhất là mất lòng tin của người tiêu dùng. Ngoài ra còn có các thiệt hại khác như phải điều tra, khảo sát, phân tích, kiểm tra độc hại, giải quyết hậu quả ...

Xuất phát từ tầm quan trọng của việc bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm trong sự phát triển kinh tế và xã hội, bảo vệ môi trường sống của các nước đã và đang phát triển, cũng như nước ta. Mục tiêu đầu tiên của vệ sinh, an toàn thực phẩm là đảm bảo cho người ăn tránh bị ngộ độc do ăn phải thức ăn bị ô nhiễm hoặc có chất độc; thực phẩm phải đảm bảo lành và sạch.

1.2. Nhận diện người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm

1.2.1. Khái niệm người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm

Hiện nay có rất nhiều quan điểm về người tiêu dùng, tùy thuộc vào thể chế chính trị, mức độ phát triển của kinh tế, nền văn hóa, các yếu tố xã hội mà mỗi nước có cách nhìn khác nhau về người tiêu dùng.

Ở Ấn Độ, Luật bảo vệ người tiêu dùng được thực thi vào năm 1986 nhằm hệ thống hóa các thủ tục pháp lý cùng luật pháp liên quan đến người tiêu dùng và được xem là một trong những thành tựu nổi bật trong quá trình hệ thống hóa pháp luật của Ấn Độ. Mục tiêu của luật này là bảo vệ tốt hơn các quyền lợi của người tiêu dùng, bảo vệ người tiêu dùng khỏi các hành vi gây thiệt hại như: hàng hóa và dịch vụ khuyết tật, các hành vi thương mại không lành mạnh cũng như các dịch vụ lừa dối hoặc không chính đáng. Luật bảo vệ người tiêu dùng năm 1986 đã định nghĩa người tiêu dùng theo nhiều phương cách. Trước hết, người tiêu dùng hàng hóa là người mua bất kỳ loại hàng hóa nào vì một mục đích nhất định, bao gồm cả người sử dụng không có sự cho phép của người mua, được gọi là một người tiêu dùng hàng hóa, nhưng không bao gồm người bán lại hàng hóa hoặc sử dụng hàng hóa vì các mục đích thương mại. Trong lĩnh vực dịch vụ người tiêu dùng là một người sử dụng dịch vụ vì một mục đích nhất định hoặc một người được hưởng lợi của dịch vụ đó, nhưng phải hưởng lợi của dịch vụ đó với sự cho phép của người mà thực sự mua dịch vụ đó.

Ở Pháp, Bộ luật bảo vệ người tiêu dùng được ban hành vào năm 1993, đây là kết quả của sự pháp điển hóa hơn 600 văn bản luật, Nghị định của Pháp, các văn bản pháp luật của Liên minh Châu Âu và các Điều ước Quốc tế. Bộ luật này được xem là một hình mẫu khá điển hình trong công tác bảo vệ người tiêu dùng ở các nước theo hệ thống CivilLaw. Mặc dù, Bộ luật giải thích cụ thể nhưng trong khoa học pháp lý của Pháp, người tiêu dùng được hiểu là các cá nhân trực tiếp mua hàng hóa, thụ hưởng các dịch vụ và trực tiếp tiêu thụ hàng hóa đó.

Theo quan điểm của pháp luật Việt Nam hiện hành, không phải tất cả các đối tượng đều là người tiêu dùng và mọi hành vi mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ đều là hành vi tiêu dùng. Căn cứ vào Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010, người tiêu dùng là người mua, người sử dụng hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt cá nhân, gia đình, tổ chức.[25] Theo đó, người tiêu dùng có thể là người mua và sử dụng hàng hóa, dịch vụ đã mua cho chính bản thân mình, người mua hàng hóa, dịch vụ cho người khác, cho gia đình hoặc cho tổ chức sử dụng, cá nhân, gia đình, tổ chức sử dụng hàng hóa do người khác mua hoặc do được tặng cho.

Căn cứ vào khái niệm trên những người mua hàng hóa, dịch vụ không vì mục đích tiêu dùng mà vì mục đích phục vụ cho các hoạt động đầu tư, sản xuất, tiêu thụ hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm thu lợi nhuận đều không được xem là người tiêu dùng.

Như vậy, người tiêu dùng hay người tiêu thụ là một từ nghĩa rộng dùng để chỉ các cá nhân hoặc hộ gia đình, các tổ chức dùng hàng hóa hoặc dịch vụ sản xuất trong nền kinh tế. Khái niệm người tiêu dùng được dùng trong nhiều văn cảnh khác nhau vì thế cách dùng khái niệm này có thể rất đa dạng. Người tiêu dùng là người có nhu cầu, có khả năng mua sắm các sản phẩm dịch vụ trên thị trường phục vụ cho cuộc sống. Người tiêu dùng có thể là cá nhân

hoặc hộ gia đình, tổ chức thỏa mãn điều kiện mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt, học tập, nghiên cứu, vui chơi, giải trí và các mục đích phi lợi nhuận khác.

Từ phân tích trên, chúng ta có thể hiểu người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm là cá nhân, hộ gia đình, các tổ chức mua sắm hoặc sử dụng các sản phẩm là thực phẩm để ăn hoặc uống ở dạng tươi sống hoặc đã qua chế biến, bảo quản cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt cá nhân, gia đình hoặc tổ chức. Người mua thực phẩm để kinh doanh, bán lại sẽ không được xem là người tiêu dùng.

1.2.2. Đặc điểm người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm

Cùng một loại thực phẩm, do tác động của chương trình quảng cáo và khuyến mại, người tiêu dùng khác nhau có thể có những nhận thức, thái độ và hành động khác nhau. Lý do nằm ở những đặc điểm nội tại hay các yếu tố ảnh hưởng bên trong của mỗi người tiêu dùng. Những đặc điểm này gồm: các đặc điểm văn hóa (văn hóa quốc gia, văn hóa địa phương), xã hội (vị trí, vai trò trong gia đình và trong xã hội), cá nhân (tuổi tác, vòng đời, nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế, phong cách sống) và tâm lý (động cơ, nhận thức, niềm tin, thái độ).

Người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm tại Việt Nam nói chung thường có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, ưa dùng thực phẩm là hàng ngoại (sính ngoại): Thích xài thực phẩm ngoại là tâm lý phổ biến của một bộ phận người tiêu dùng nhằm tạo cho mình lối sống và phong cách hưởng thụ trội hơn người khác. Trong thời gian vừa qua, không ít thông tin cho thấy không phải cứ thực phẩm ngoại là bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm, chẳng hạn: Đoàn thanh tra liên ngành thực phẩm TP. Hà Nội phát hiện tại một số siêu thị có rất nhiều thực phẩm ngoại bày bán mà không có nguồn gốc, hạn sử dụng: củ cải, sợi củ từ nâu, đậu

phụ, mì tươi. Rồi thì chân gà, thịt bò nhập từ Úc, từ châu Âu về hết date; chân giò lợn nhập khẩu bị bốc mùi...liên tiếp bị phát hiện ở Hà Nội, TP. HCM với số lượng lớn. Mặc dù vậy, với một bộ phận người tiêu dùng có gia thế giàu có vẫn tìm thực phẩm ngoại, đồ ngoại để sử dụng.

Một sự khác biệt lớn giữa người tiêu dùng Việt Nam và người tiêu dùng Châu Á là nếu như hơn một nửa người tiêu dùng Châu Á ưa chuộng các thương hiệu trong nước, thì tại Việt Nam có tới hơn 77% người tiêu dùng sành hàng ngoại. Những tiêu xảo của công nghiệp thực phẩm đã đánh lừa người tiêu dùng khi sản phẩm mà người tiêu dùng chọn do được cho là hàng ngoại có uy tín, có thương hiệu, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, thì cũng không thể tránh khỏi những việc mà nhiều người tiêu dùng không biết như: Cam Mỹ có thể được nhuộm màu; dầu Ô liu có thể được pha trộn với các loại dầu rẻ tiền khác hay gà nhập được tẩy trùng bằng thuốc tẩy Javen; thịt cá hồi nuôi được nhuộm hồng bằng hoá chất...

Thứ hai, đặc điểm dễ nhận thấy kể đến là “tính” dễ thay đổi quan điểm tiêu dùng: giữa thực phẩm đẹp mắt và thực phẩm kém mã hơn, chúng ta thường có thói quen chọn thực phẩm đẹp mắt. Trong khi những người tiêu dùng ở các quốc gia Châu Á khác cho rằng họ khá chung thủy với những nhãn hiệu đã sử dụng, những thực phẩm nội địa theo mùa, thì Eye on Asia tiết lộ rằng, phong cách tiêu dùng thực phẩm của người Việt Nam dễ thay đổi, NTD Việt Nam thường lựa chọn những thực phẩm bắt mắt, tươi sáng không quan tâm nhiều tới nguồn gốc xuất xứ và giá trị sử dụng đích thực của từng loại thực phẩm mà thường chạy theo xu hướng. Chính vì thế, để tiêu thụ thực phẩm tốt ở Việt Nam, những nhà cung cấp thực phẩm luôn đi tìm những mẫu mã đẹp hình thức, thậm chí bỏ qua chất lượng để đánh vào thị hiếu “ưa vẻ bề ngoài” của người tiêu dùng thực phẩm trên thị trường Việt Nam.

Thứ ba, người tiêu dùng thực phẩm ở Việt Nam, cũng giống như NTD ở các quốc gia khác, khi tham gia mua sắm, sử dụng hàng hóa là thực phẩm thường ở vị trí yếu thế so với người kinh doanh thực phẩm. Những yếu tố cơ bản mà NTD hay gặp phải bao gồm:

- Yếu tố trong việc tiếp cận, xử lý và hiểu các thông tin về thực phẩm trong quan hệ mua bán trao đổi. NTD do không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, cung ứng thực phẩm, cũng như do những hạn chế trong hiểu biết về chuyên môn kỹ thuật nên thường không hiểu đầy đủ về tính năng, công dụng, chất lượng, các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình tiêu thụ thực phẩm. Các vụ ngộ độc rượu do tiêu thụ nhầm rượu giả (sử dụng cồn công nghiệp pha với nước) được báo chí phản ánh gần đây là một trong những minh chứng chứng minh thực tế này.

- Yếu tố về khả năng đàm phán, thiết lập hợp đồng, giao dịch khi quan hệ với các thương nhân trên thị trường. Nhiều doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm, do có nguồn lực lớn nên có thể đầu tư để chuyên nghiệp hóa đội ngũ nhân viên, cán bộ, tăng cường khả năng đàm phán, thiết lập hợp đồng, giao dịch, làm cho họ trở nên có ưu thế nổi trội so với người tiêu dùng.

- Yếu tố về khả năng gánh chịu rủi ro trong quá trình tiêu dùng thực phẩm. Khi xảy ra các rủi ro vì tiêu dùng thực phẩm không an toàn, người tiêu dùng có thể bị ảnh hưởng đến sức khỏe, thậm chí là tính mạng. Chi phí để khắc phục những rủi ro này thường rất lớn, đôi khi vượt ngoài khả năng chịu đựng của mỗi người tiêu dùng. Trong khi đó, cùng tình huống tương tự, khả năng gánh chịu rủi ro của nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm sẽ ít hơn.

- Yếu tố về khả năng tiếp cận cơ quan công quyền để bảo vệ lợi ích khi có tranh chấp, rủi ro xảy ra. Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thường có tiềm lực để thuê các luật sư giỏi, thiết lập quan hệ tốt với các cơ quan công quyền. Chính vì thế, khi có tranh chấp, rủi ro xảy ra, họ thường

có ưu thế so với người tiêu dùng trong việc tiếp cận với cơ quan công quyền để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

1.3. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm

1.3.1. Khái niệm quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm

Người tiêu dùng luôn là một bộ phận quan trọng nhất cấu thành nên nền kinh tế thị trường. Vì vậy, từ rất sớm trên thế giới đã hình thành các hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng nhất là từ những năm 1960 trở lại đây. Hiện nay, có 260 tổ chức, hiệp hội người tiêu dùng ở 120 quốc gia và khu vực trên thế giới. Việt Nam có 40 hội bảo vệ người tiêu dùng ở các tỉnh cùng một hội bảo vệ người tiêu dùng ở cấp trung ương. VINASTAS là hội thành viên của hội bảo vệ người tiêu dùng thế giới CI. CI hoạt động theo phong trào hiến chương về hoạt động người tiêu dùng nhằm truyền bá sự hiểu biết có phê phán, hành động, trách nhiệm xã hội và đoàn kết sao cho người tiêu dùng thế giới phát huy được vai trò của họ, đạt tới cuộc sống công bằng văn minh.

Ngày 05/9/1985 Đại hội đồng Liên hợp Quốc thông qua nghị quyết 39/948 quy định 8 quyền của người tiêu dùng: (i) quyền được an toàn, (ii) quyền được có thông tin, (iii) quyền được lựa chọn, (iv) quyền được lắng nghe, (v) quyền được khiếu nại và bồi thường, (vi) quyền được giáo dục, đào tạo về tiêu dùng, (vii) quyền được thỏa mãn nhu cầu cơ bản, (viii) quyền được sống trong môi trường sống lành mạnh và bền vững.[8]

Như vậy, có thể hiểu rằng quyền lợi của người tiêu dùng chính là các quyền năng cơ bản cùng các lợi ích vật chất (tính mạng, tài sản, sức khỏe...) của người tiêu dùng khi họ tham gia vào quan hệ mua bán và có thể kéo dài trong suốt quá trình sử dụng sản phẩm, dịch vụ.

Các nước dựa trên bản hướng dẫn này để ghi nhận về quyền lợi người tiêu dùng trong pháp luật quốc gia mình. Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam cũng công nhận 8 quyền năng kể trên trong quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 và các văn bản khác có liên quan.

1.3.2. Các biện pháp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm

Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là một trong những nhiệm vụ của quản lý nhà nước và là trách nhiệm của các đơn vị sản xuất, kinh doanh. Thực tiễn cho thấy, khi nền kinh tế thị trường càng phát triển, mức độ tự do hóa thương mại càng gia tăng thì càng nảy sinh nhiều vấn đề gây ảnh hưởng đến quyền lợi người tiêu dùng. Điều đó lại càng đúng với lĩnh vực thực phẩm bởi tầm quan trọng, mối liên quan đặc biệt giữa tiêu thụ thực phẩm với sức khỏe, tính mạng, nòi giống của con người.

Trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và xây dựng nhà nước pháp quyền, để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nói chung và người tiêu dùng thực phẩm nói riêng, nhà nước sử dụng nhiều công cụ khác nhau nhưng pháp luật luôn được xem là công cụ quan trọng hàng đầu.

Xuất phát từ sự yếu thế của người tiêu dùng trong mối quan hệ với các nhà sản xuất, cung ứng dịch vụ, người tiêu dùng trong một số trường hợp không thể đưa ra các quyết định, lựa chọn đúng đắn và phù hợp với lợi ích của họ. Hơn nữa, lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm là một lĩnh vực đặc thù, đòi hỏi yêu cầu cao về các điều kiện tiêu chuẩn và chất lượng của thực phẩm. Bởi vậy, ngoài mặt bằng pháp lý chung về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm còn đòi hỏi những quy tắc riêng, đặc thù mà các quy tắc này thường được quy định trong pháp luật về vệ sinh, an toàn thực phẩm.

Với tư duy như vậy, có thể thấy, pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn thực phẩm có sự đan xen giữa các quy định của pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng nói chung với các quy định về an toàn thực phẩm. Vì vậy, các quy định về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn thực phẩm sẽ gồm các nhóm quy phạm cơ bản sau:

- Các quy định về quyền của người tiêu dùng thực phẩm;
- Các quy định về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, điều kiện kinh doanh thực phẩm;
- Các quy định về các hành vi bị cấm mà nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm không được vi phạm;
- Các biện pháp chế tài áp dụng cho các nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm khi vi phạm các hành vi bị cấm;
- Các quy định về cơ quan quản lý nhà nước trong việc bảo vệ người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn thực phẩm;
- Các quy định về cơ chế thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm;
- Các quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm vi phạm quyền lợi người tiêu dùng v.v.

Song song với việc xây dựng pháp luật về an toàn thực phẩm, thì khâu tổ chức thực thi pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm cũng là một biện pháp rất quan trọng. Để thực hiện tốt pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm, hàng loạt biện pháp cần được quan tâm thực hiện như: tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm; Phợp giữa các cơ quan ban, ngành trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hướng dẫn, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm; Ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch, hướng dẫn về thi hành pháp luật; Tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ phụ trách thi hành pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu

dùng thực phẩm; Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc kiểm tra thi hành pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm; Khuyến khích, hỗ trợ đối với các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm an toàn theo tiêu chuẩn chất lượng v.v.

Kết luận Chương 1

Qua nghiên cứu các vấn đề lý luận về bảo vệ người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, vệ sinh, an toàn thực phẩm có thể thấy đây là vấn đề rất cấp thiết ở nước ta hiện nay. Người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn thực phẩm cũng ở vị trí yếu thế so với nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm và có nhu cầu cần được bảo vệ rất lớn. Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm có sự đan xen giữa pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nói chung với pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm. Chính vì thế, nội dung pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn thực phẩm khá phức tạp, việc thực thi đòi hỏi có sự phối, kết hợp giữa nhiều cơ quan có liên quan.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG LĨNH VỰC VỆ SINH, AN TOÀN THỰC PHẨM TẠI BÌNH DƯƠNG

2.1. Thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm

2.1.1. Tổng quan

Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm ở nước ta được quy định chủ yếu trong Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010, Luật An toàn thực phẩm năm 2010, một số đạo luật khác có liên quan (chẳng hạn Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 v.v.) và các văn bản hướng dẫn thi hành. Sau khi Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa và Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật An toàn thực phẩm và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được Quốc hội thông qua, các Bộ, ngành đã rà soát các nội dung được giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành để xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Thứ nhất, đối với Luật An toàn thực phẩm năm 2010: Trong số các nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành (khoảng 30 nội dung liên quan đến an toàn thực phẩm) thì có 10 nội dung giao cho Chính phủ, 19 nội dung giao các Bộ ban hành thông tư, thông tư liên tịch, 01 nội dung giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chuẩn về an toàn thực phẩm tại địa phương. Tính đến ngày 31/12/2014, Chính phủ, các Bộ đã ban hành 14 văn bản (02 Nghị định, 01 Thông tư liên tịch, 11 Thông tư) để quy định chi tiết 24/29 nội dung được giao quy định chi tiết, đạt 82,75%. Trong đó, Chính phủ đã quy định chi tiết 9/10 nội dung được giao, đạt 90%; Bộ Y tế, Bộ Nông

ng nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Công Thương đã quy định chi tiết 01/01 nội dung được giao ban hành thông tư liên tịch, đạt 100%; Bộ Y tế đã ban hành 02 thông tư để quy định 01/05 nội dung được giao, đạt 20,0 %; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành 10 thông tư để quy định 13/14 nội dung được giao, đạt 92,85%. Bộ Công thương chưa ban hành 01/01 nội dung được giao quy định chi tiết. Riêng nội dung được giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết, theo báo cáo của 36 Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chưa có địa phương nào ban hành văn bản quy định nội dung được phân cấp.[3] Trong số 14 văn bản quy định chi tiết đã ban hành, *không có văn bản có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Luật, đa số có hiệu lực sau thời điểm Luật có hiệu lực từ 01 năm trở lên*. Ngoài các nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành tại Luật An toàn thực phẩm năm 2010, tại một số nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư, thông tư liên tịch của các Bộ cũng giao cho các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương quy định chi tiết một số nội dung.

Thứ hai, đối với Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007: Kết quả rà soát cho thấy, có 08 nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành liên quan đến an toàn thực phẩm. Trong đó, Chính phủ được giao 04 nội dung, các bộ, cơ quan ngang bộ được giao 04 nội dung. Tính đến ngày 31/12/2014 đã có 07/08 nội dung giao quy định chi tiết được quy định tại 08 văn bản (03 Nghị định, 05 Thông tư). Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa có 03 nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan đến an toàn thực phẩm. Trong đó, 01 nội dung giao cho Thủ tướng Chính phủ, 01 nội dung giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ, 01 nội dung giao cho Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Đến nay các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành 03/03 nội dung giao quy định chi tiết,

hướng dẫn thi hành.[3]

Thứ ba, đối với Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006: Kết quả rà soát cho thấy, trong các nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, có 07 nội dung có liên quan đến an toàn thực phẩm. Trong đó, Chính phủ được giao 05 nội dung, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao 01 nội dung, 01 nội dung giao cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tính đến ngày 31/12/2014, các nội dung thuộc thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành của Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được ban hành (01 Nghị định của Chính phủ và 02 Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Riêng nội dung giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết, theo báo cáo của 36 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chưa có địa phương nào ban hành văn bản quy định nội dung được phân cấp. Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật có 01 nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan đến an toàn thực phẩm. Trong đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành 05 thông tư để quy định chi tiết nội dung được giao.[3]

Đối với Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010, sau khi đạo luật này có hiệu lực, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành các văn bản hướng dẫn như: Nghị định 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BVQLNTD (37 Điều, 8 chương); Nghị định số 19/2012/NĐ-CP ngày 16/3/2012 quy định xử phạt VPHC trong LV BVQLNTD (đã hết hiệu lực); Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 quy định xử phạt VPHC trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (thay cho NĐ 19/2012/NĐ-CP); Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 185/2013/NĐ-CP; Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg

ngày 13/1/2012 về việc ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015)...

Như vậy, đánh giá một cách chung nhất về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết, có thể thấy việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết đã được các Bộ, ngành tích cực triển khai thực hiện. Chất lượng văn bản quy định chi tiết được nâng cao, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, tiệm cận hơn với phương pháp quản lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm của thế giới trong đó có tính đến đặc thù về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của Việt Nam. Mặc dù vậy, tình trạng chậm ban hành văn bản sau khi Luật đã có hiệu lực còn khá phổ biến.

Kết quả khảo sát 04 nhóm đối tượng là (1) cán bộ, (2) người dân, (3) cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, và (4) doanh nghiệp do Viện Khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp) tiến hành năm 2014 – 2015 [32] ở các tỉnh, thành phố như Hà Nội, Lâm Đồng, Quảng Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, Lào Cai cho thấy những đánh giá tương đối khả quan về chất lượng văn bản pháp luật an toàn thực phẩm (xem Biểu đồ số 2.1).

Biểu đồ số 2.1: Đánh giá của cán bộ nhà nước (CB), nhân dân (ND), cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ (CSSXKDNL) và doanh nghiệp (DN) về chất lượng văn bản pháp luật an toàn thực phẩm

Chỉ số đánh giá	Đối tượng đánh giá			
	CB	ND	CSSXKD NL	DN
1. Đầy đủ, thống nhất, đồng bộ, phù hợp với thực tiễn	11,8%	30,3%	45,7%	47,2%
2. Chưa đầy đủ	37,2%	32,8%	30,4%	25,0%
3. Mâu thuẫn, chồng chéo	27,6%	16,6%	14,6%	22,7%

4. Không phù hợp với thực tiễn	12,8%	14,9%	4%	6,3%
5. Chế tài xử lý vi phạm không đảm bảo tính răn đe	26,9%	30,3%	7,8%	1,7%

[32]

Số liệu khảo sát trên cho thấy, cả 03 nhóm đối tượng chịu sự tác động của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm là nhân dân, cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ và doanh nghiệp đều nhận định tính đầy đủ, thống nhất, đồng bộ, phù hợp với thực tiễn của văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm chỉ ở mức độ từ thấp (30% người dân tham gia khảo sát nhận định văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm đầy đủ, thống nhất, đồng bộ, phù hợp với thực tiễn) đến mức độ gần tiệm cận với mức đánh giá trung bình (45,7% cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ và 47,2% doanh nghiệp đồng tình với nhận định này). Tuy nhiên, ở những chỉ số cụ thể khác thể hiện chất lượng pháp luật an toàn thực phẩm kém như: mâu thuẫn, chồng chéo; không phù hợp với thực tiễn; hay chế tài xử lý vi phạm không đảm bảo tính răn đe thì tỷ lệ trả lời của cả 04 nhóm đối tượng cán bộ nhà nước, nhân dân, cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ và doanh nghiệp đều ở mức rất thấp. Chỉ có 4% cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ và 6,3% doanh nghiệp đánh giá pháp luật về ATTP không phù hợp với thực tiễn; 7,8% cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ và 1,7% doanh nghiệp đánh giá chế tài xử lý vi phạm pháp luật ATTP không đảm bảo tính răn đe.

Tuy nhiên, việc ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành; văn bản chỉ đạo, đôn đốc, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực an toàn thực phẩm vẫn còn tồn tại một số hạn chế cơ bản sau:

Thứ nhất, *tình trạng chậm ban hành văn bản hướng dẫn hiện đang được xem là một trong những vấn đề nổi cộm*. Tiến độ ban hành văn bản quy

định chi tiết chưa đáp ứng được với yêu cầu phải có hiệu lực cùng thời điểm với văn bản được quy định chi tiết như theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trong số 14 văn bản quy định chi tiết Luật An toàn thực phẩm đã ban hành, không có văn bản có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Luật, đa số có hiệu lực sau thời điểm Luật có hiệu lực từ 01 năm trở lên.

Thứ hai, *Luật An toàn thực phẩm, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đã có hiệu lực từ nhiều năm nay (trên 03 năm), nhưng vẫn còn một số văn bản quy định chi tiết vẫn chưa được ban hành, chẳng hạn:*

- Khoản 2 Điều 66 Luật An toàn thực phẩm năm 2010 quy định: “*Chính phủ quy định việc phối hợp giữa các lực lượng thanh tra an toàn thực phẩm của các bộ, cơ quan ngang bộ với một số lực lượng khác trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm*”. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, Chính phủ vẫn chưa ban hành Nghị định quy định chi tiết nội dung trên.

- Khoản 2 Điều 20 Luật An toàn thực phẩm năm 2010 quy định: “*Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định cụ thể về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong bảo quản thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý*”. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn vẫn chưa ban hành thông tư quy định chi tiết nội dung trên. Trong một số văn bản đã quy định về bảo quản thực phẩm là một khâu trong quá trình sản xuất, sơ chế, kinh doanh, tuy nhiên chưa có văn bản riêng quy định về kho bảo quản nông sản.

- Khoản 5 Điều 52 Luật An toàn thực phẩm năm 2010 quy định: “*Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng hệ thống cảnh báo sự cố an toàn thực phẩm*”; Khoản 4 Điều 53 Luật An toàn thực phẩm

năm 2010 quy định: “*Bộ trưởng Bộ Y tế có trách nhiệm quy định cụ thể việc khai báo sự cố về an toàn thực phẩm*”; Điều 64 Luật An toàn thực phẩm năm 2010 quy định: “*Bộ Công thương có trách nhiệm ban hành chính sách, quy hoạch chợ, siêu thị, quy định điều kiện kinh doanh thực phẩm tại các chợ, siêu thị*”; Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 quy định chi tiết Luật An toàn thực phẩm (Nghị định số 38/2012/NĐ-CP) quy định: “*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chi tiết việc ghi nhãn đối với thực phẩm có chứa sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen*”. Hiện nay, Bộ Y tế, Bộ Công thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vẫn chưa ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết các nội dung trên.

- Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cũng thường được ban hành khá chậm sau khi Luật này có hiệu lực.

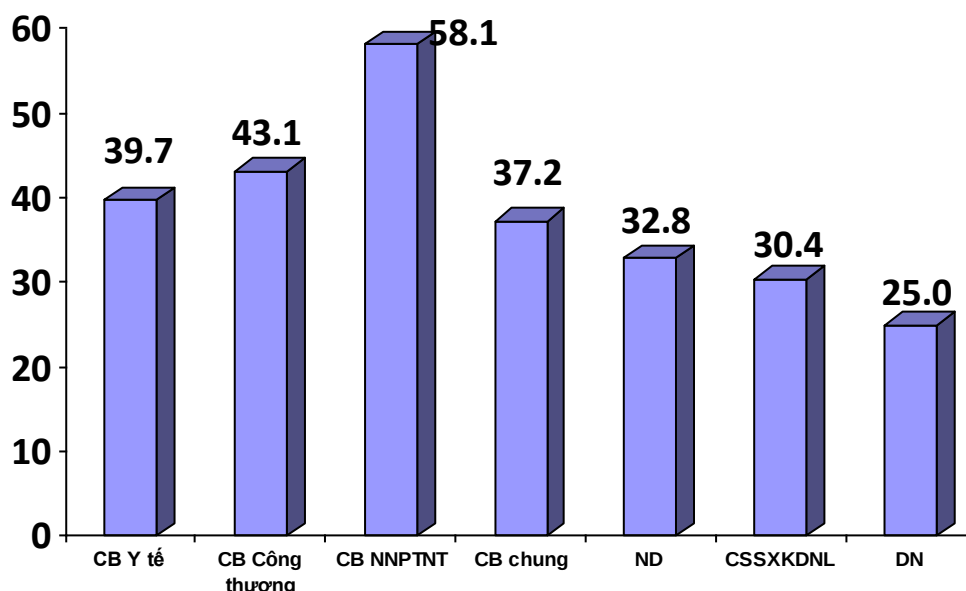
Thứ ba, chính quyền địa phương hầu như không thực hiện nhiệm vụ ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương, quy định cụ thể điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ đối với thực phẩm đặc thù trên địa bàn cấp tỉnh. Luật An toàn thực phẩm năm 2010 và Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 có 01 nội dung giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chuẩn về an toàn thực phẩm tại địa phương, tuy nhiên theo báo cáo tình hình thi hành pháp luật năm 2014 của 36 Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chưa có địa phương nào ban hành văn bản quy định nội dung được phân cấp.

Chính vì hạn chế thứ hai và thứ ba nói trên nên hệ thống pháp luật an toàn thực phẩm có thể nói tương đối đầy đủ đến tầm Nghị định, tuy nhiên văn bản hướng dẫn thi hành ở tầm thông tư, văn bản của chính quyền địa phương còn thiếu, do đó khi đánh giá về pháp luật an toàn thực phẩm, nhiều cán bộ cơ sở trực tiếp thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đã có nhận định pháp luật an toàn thực phẩm chưa đầy đủ. Cụ thể, có 58,1% cán bộ nông nghiệp phát triển nông thôn, 43,1% cán bộ công thương, 39,7% cán bộ y tế và 37,2% cán bộ chung (cán bộ UBND và cán bộ tư pháp) nhận định pháp luật an toàn thực phẩm chưa đầy đủ (*xem Biểu đồ số 2.2*).[32]

Bất cập trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm

- Luật: quy định không cụ thể, không chi tiết;
 - Nghị định hướng dẫn: sau hơn 01 năm kể từ ngày Luật có hiệu lực thi hành mới ban hành;
 - Thông tư/Thông tư liên tịch: sau 02-03 năm kể từ ngày Luật/Nghị định có hiệu lực thi hành mới ban hành;
- => Hiện trạng: Văn bản cấp dưới trái với văn bản cấp trên/Cùng quy định về 01 nội dung nhưng giữa các văn bản không giống nhau. Do đó, trong thời gian giao thời (Nghị định, Thông tư chưa ra đời) các ngành, địa phương tùy ý thực hiện theo ý mình. Đến khi có quy định hướng dẫn cụ thể rồi thì khi thực thi mỗi cơ quan dựa vào ý của văn bản nào có lợi nhất cho mình để triển khai.

Biểu đồ số 2.2: Đánh giá pháp luật an toàn thực phẩm chưa đầy đủ (%)



[32]

Thứ tư, một số văn bản quy định chi tiết được ban hành, nhưng phải sửa đổi, bổ sung nhiều lần, gây khó khăn cho việc phổ biến, tập huấn, áp dụng và tuân thủ của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân. Ví dụ, Thông tư số 13/2011/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2011 hướng dẫn việc kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu được thay thế bởi Thông tư số 12/2015/TT-BNNPTNT (Thông tư số 13/2011/TT-BNNPTNT quy định chi tiết khoản 2 Điều 35 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa quy định “Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định chi tiết trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc phạm vi được phân công quản lý quy định tại khoản 5 Điều 68, khoản 4 Điều 69 và khoản 2 Điều 70 của Luật này”). Cá biệt, trường hợp Thông tư số 14/2011/TT-NNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh

doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản được sửa đổi bởi Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011, Thông tư số 35/2012/TT-BNNPTNT ngày 27/7/2012, Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013, và hiện nay được thay thế bởi Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Thứ năm, *một số văn bản quy định chi tiết chưa bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và tính khả thi, chẳng hạn:*

- Về phân công quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, *Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007 quy định nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước đối với an toàn thực phẩm là theo quá trình. Trong khi đó Luật An toàn thực phẩm năm 2010 quy định nguyên tắc quản lý theo nhóm ngành hàng. Các quy định này đã tạo ra sự chồng chéo về quản lý tại các cửa khẩu và tạo ra nhiều cửa trong quản lý sau công bố hợp quy, công bố phù hợp quy định về an toàn thực phẩm.*

- Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 09/11/2012 của Bộ Y tế hướng dẫn việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm, Điều 12 quy định về kiểm tra sau công bố như sau: “*Cơ quan tiếp nhận đăng ký và Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm nơi có cơ sở sản xuất, kinh doanh đóng trên địa bàn có thẩm quyền tổ chức kiểm tra việc thực hiện pháp luật về an toàn thực phẩm, chế độ kiểm nghiệm định kỳ đối với sản phẩm đã công bố*”. Quy định này chưa phù hợp với quy định của Luật An toàn thực phẩm năm 2010, Nghị định số 38/2012/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Công thương hướng dẫn

việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT) vì tại các văn bản này không quy định chức năng kiểm tra của Chi cục An toàn thực phẩm.

- Điều 10 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT quy định khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm thì phải có Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định về lệ phí cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm. Tại Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm (Thông tư số 149/2013/TT-BTC) chỉ có quy định về lệ phí cấp giấy xác nhận tập huấn về an toàn thực phẩm.

- Theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm, lệ phí cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông lâm thủy sản: 150.000đ/lần cấp. Tuy nhiên, Thông tư 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp quản lý sử dụng phí lệ phí lại quy định: “Lệ phí cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất, kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000đ/lần”.

- Điểm b khoản 1 Điều 34 Luật An toàn thực phẩm năm 2010 quy định *“Cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm khi có đủ các điều kiện sau đây: ... b) có đăng ký ngành, nghề kinh doanh trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh”*. Chiếu theo quy định này thì các đối tượng cung cấp dịch vụ ăn uống như: bếp ăn tập thể của doanh nghiệp, bệnh viện, trường học sẽ không được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm vì những đối tượng này không có đăng ký ngành, nghề kinh doanh.

- Nghị định số 178/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, mức xử phạt quy định trong Nghị định này theo đánh giá của đối tượng chịu sự tác động (doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ là cao, do đó thiếu tính khả thi trên thực tế vì nhiều đối tượng vi phạm sẽ bỏ lại tang vật vi phạm hoặc chuyển địa bàn hoạt động.

- Thông tư số 75/2009/TT-BNNPTNT ngày 02/12/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất nông sản: quy chuẩn ban hành kèm theo Thông tư này chưa phù hợp với cơ sở sơ chế rau quả nhỏ, thô sơ. Ví dụ như quy định về hệ thống thông gió phải có công suất phù hợp và được lắp đặt tại các vị trí cần thiết nhằm loại bỏ hơi nước ngưng tụ, không khí nóng, không khí bị ô nhiễm, mùi lạ và bụi; hay hệ thống chiếu sáng phải sử dụng ánh sáng tự nhiên hay nhân tạo phải đảm bảo cường độ ánh sáng không nhỏ hơn 540 lux ở các khu vực chế biến thủ công, phân loại, kiểm tra nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm; các khu vực khác không nhỏ hơn 220 lux.

- Thông tư số 30/2012/TT-BYT ngày 05/12/2012 của Bộ Y tế quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố:

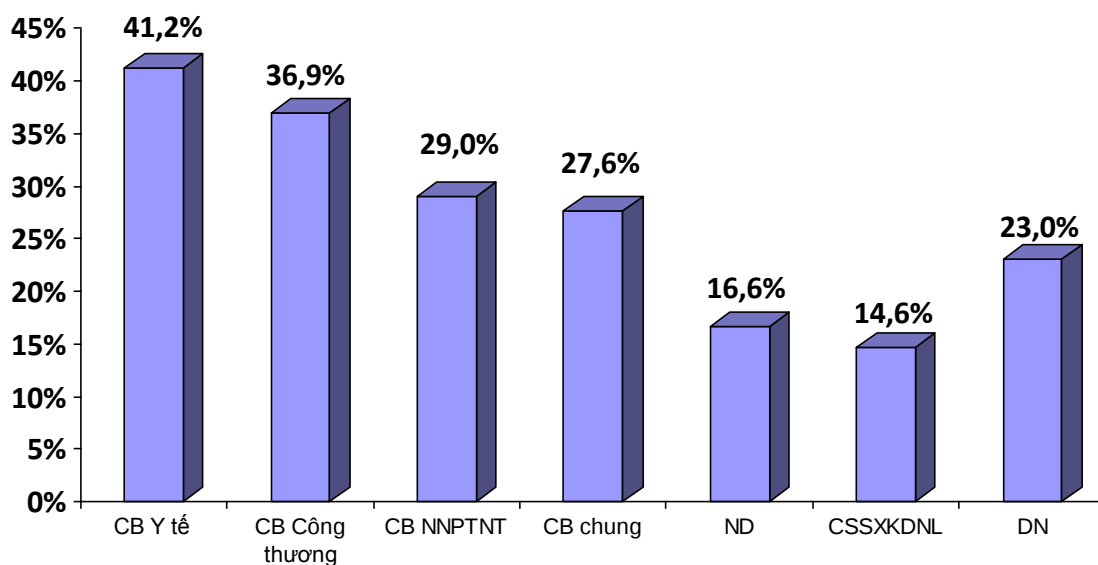
+ Khoản 7 Điều 7 quy định: *“Nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, thực phẩm bao gói, chế biến sẵn bảo đảm có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định”*. Quy định này không khả thi vì trong điều kiện của Việt Nam hiện nay, việc mua bán thực phẩm là rau, củ, quả và nhiều thực phẩm khác tại các chợ dân sinh thì không thể có hóa đơn, chứng từ.

+ Khoản 2 Điều 8 quy định: *“Người kinh doanh thức ăn đường phố phải được khám sức khỏe và cấp giấy xác nhận đủ điều kiện sức khỏe theo*

quy định. Việc khám sức khỏe và cấp giấy xác nhận đủ điều kiện sức khỏe do các cơ quan y tế từ cấp quận, huyện và tương đương trở lên thực hiện”. Quy định này không khả thi vì số lượng người kinh doanh thức ăn đường phố đông và kinh phí khám sức khỏe cũng tương đối cao. Do đó, người dân không tự nguyện khám, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng không thể tổ chức cưỡng chế được.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, 41,2% cán bộ y tế; 36,9% cán bộ công thương; 29% cán bộ nông nghiệp phát triển nông thôn và 27,6% cán bộ chung cùng với 23% doanh nghiệp; 14,6% cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ nhận định pháp luật an toàn thực phẩm còn chồng chéo, mâu thuẫn (xem Biểu đồ số 2.3).[32]

Biểu đồ số 2.3: Đánh giá pháp luật an toàn thực phẩm chồng chéo, mâu thuẫn (%)

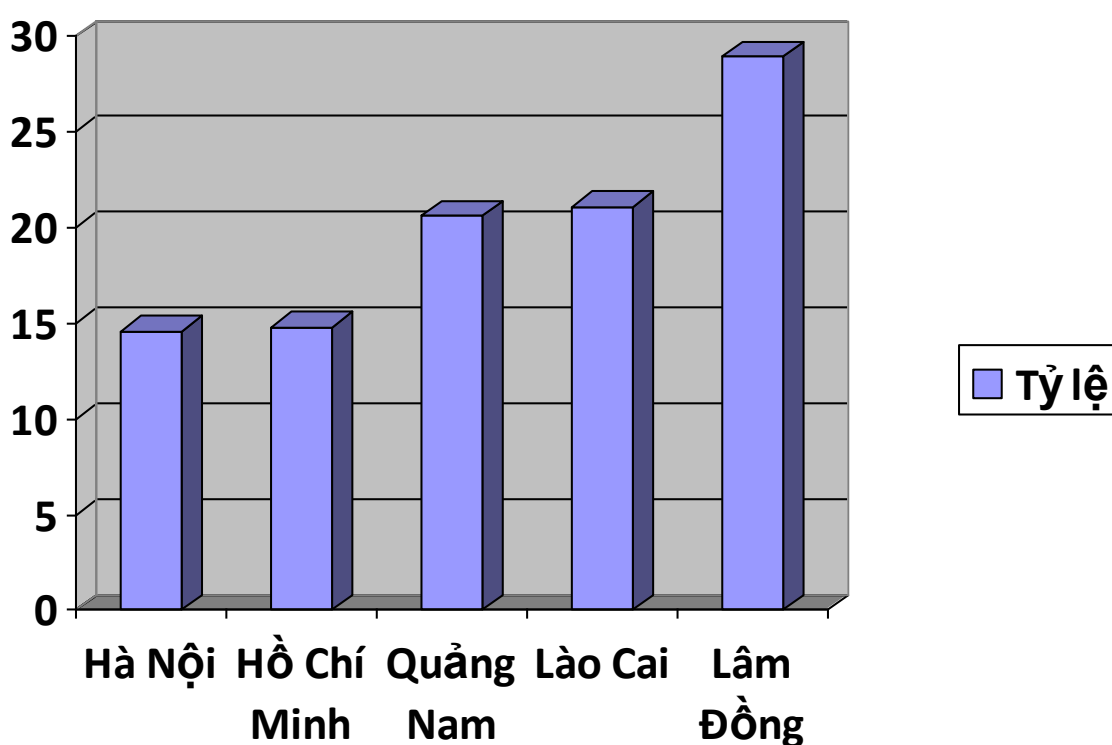


[32]

Kết quả khảo sát theo phiếu hỏi đánh giá về tính khả thi của văn bản pháp luật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, hầu hết cán bộ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại 05 tỉnh đều đánh giá văn bản trong lĩnh vực này chưa có

tính khả thi cao. Minh chứng cụ thể và rõ nét nhất qua thông số đánh giá của cán bộ quản lý tại 02 tỉnh Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (chỉ chiếm 14,6% đến 14,8%), cán bộ quản lý 03 tỉnh còn lại là Quảng Nam, Lào Cai và Lâm Đồng đều có đánh giá tương tự nhau với các kết quả tương ứng là 20,6%, 21,1% và 28,9%. Nhìn chung kết quả đánh giá về tính khả thi của pháp luật an toàn thực phẩm dưới góc nhìn của cán bộ quản lý đều chưa cao (số liệu cao nhất chưa đến 30%) (xem Biểu đồ số 2.4).[33]

Biểu đồ số 2.4: Đánh giá về tính khả thi của pháp luật

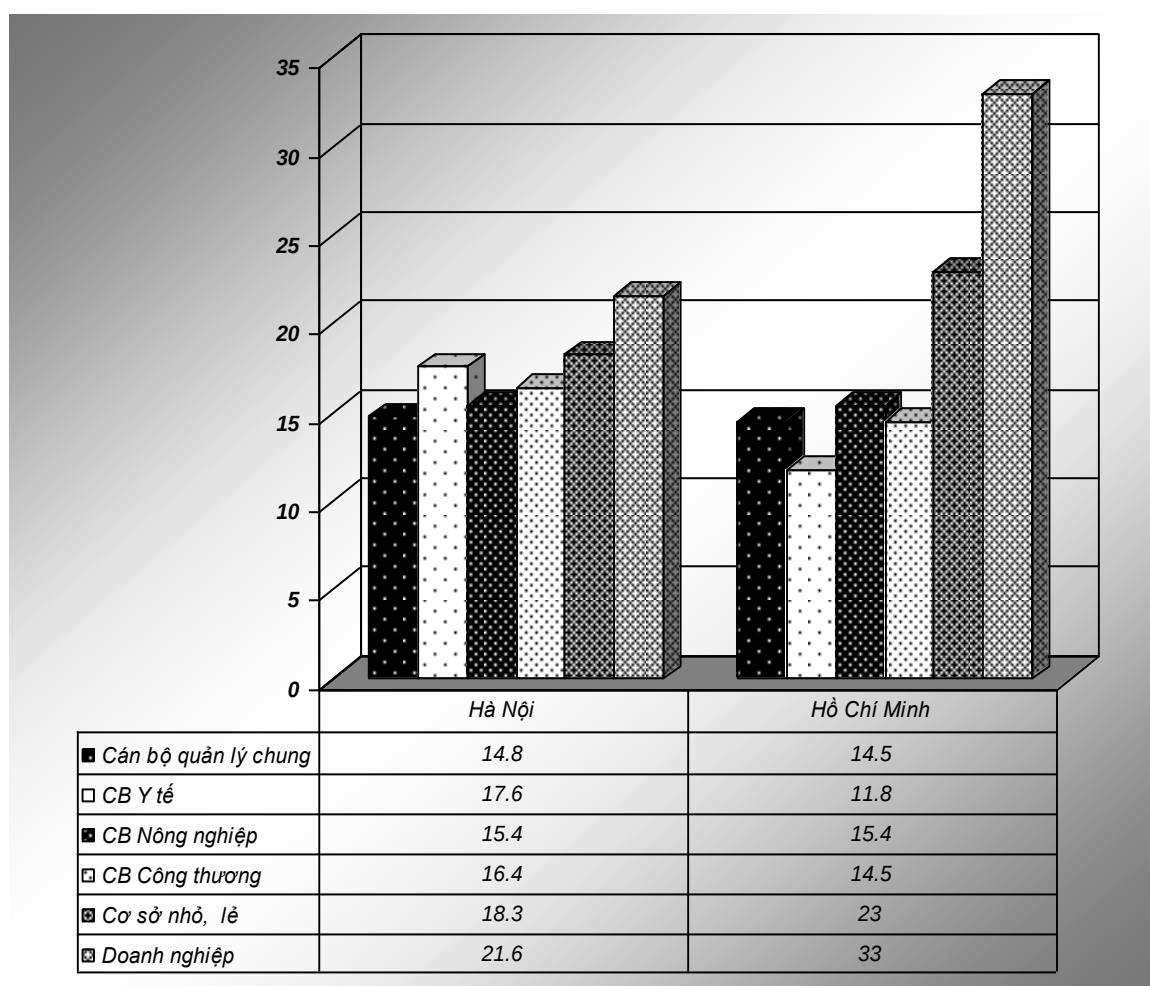


[32]

Tương tự như vậy, khi khảo sát về chế tài pháp luật được áp dụng khi xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật an toàn thực phẩm, hầu hết nhóm chủ thể được hỏi là cán bộ quản lý về an toàn thực phẩm (gồm cán bộ quản lý chung an toàn thực phẩm, cán bộ Y tế, cán bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, cán bộ Công thương) trên địa bàn 05 tỉnh khảo sát đều cho rằng

các chế tài áp dụng có tính răn đe chưa cao, đặc biệt cả các nhóm chủ thể (Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thực phẩm – hai nhóm đối tượng chịu tác động trực tiếp của pháp luật an toàn thực phẩm) cũng trả lời tương tự như cán bộ quản lý. Ở hai thành phố lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh tỷ lệ đánh giá về chế tài áp dụng có tính răn đe thấp, chiếm tỷ lệ thấp nhất trong số các tỉnh khảo sát (chưa tới 35%) (xem Biểu đồ số 2.5).[32]

Biểu đồ số 2.5: Đánh giá về chế tài áp dụng trong xử lý vi phạm pháp luật ATTP tại thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh



[32]

Thực trạng trên xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau:

- Việc rà soát, lên danh mục văn bản quy định chi tiết chưa được thực hiện tổng thể, đồng bộ giữa các ngành có liên quan để trình Thủ tướng Chính phủ kế hoạch ban hành văn bản quy định chi tiết Luật An toàn thực phẩm.

- Số lượng nội dung giao quy định chi tiết là rất lớn, nhiều nội dung khó và phức tạp. Nhiều nội dung giao quy định chi tiết không có tính khả thi, do đó không thể ban hành văn bản quy định chi tiết. Chẳng hạn, Khoản 4 Điều 16 Luật An toàn thực phẩm quy định: “*Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành Danh mục nhóm thực phẩm được phép chiếu xạ và liều lượng được phép chiếu xạ đối với thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý*”. Tuy nhiên, Bộ Y tế không quản lý nhóm hàng được phép chiếu xạ nên không thể ban hành văn bản quy định nội dung này.

- Bên cạnh việc tổ chức triển khai thi hành Luật ATTP và ban hành văn bản quy định chi tiết, các Bộ còn phải tập trung nguồn lực cho công tác soạn thảo, trình các dự án luật, pháp lệnh khác thuộc lĩnh vực quản lý của mình, do đó, không thể dành nhiều thời gian, nguồn lực triển khai thi hành Luật ATTP.

- Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác pháp chế, xây dựng pháp luật tuy đã được kiện toàn một bước song vẫn còn thiếu về số lượng, năng lực, trình độ chưa đồng đều.

- Việc đầu tư thời gian và nguồn lực cho công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật nói chung và ban hành văn bản quy định chi tiết nói riêng còn hạn chế, chưa phù hợp với vị trí, vai trò, yêu cầu, tính chất phức tạp của công việc này.

2.1.2. Các quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành

Hiện nay, tình trạng vi phạm quyền lợi người tiêu dùng (NTD) đã và đang xảy ra phổ biến “...Theo báo cáo của Ban chỉ đạo 127 Trung ương, năm 2013, đã phát hiện 32.026 vụ buôn lậu, buôn bán, vận chuyển hàng cấm, hàng nhập lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả và gian lận thương mại trị giá trên 428 tỷ đồng... Chỉ riêng về lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm, năm 2013, cả nước có 753.546 cơ sở được thanh kiểm tra, trong đó đã có đến 149.022 cơ sở vi phạm, chuyển cơ quan điều tra xử lý 22.835 cơ sở, cảnh cáo 10.491 cơ sở, phạt tiền 22,723 tỷ đồng.[39] Thêm nữa, thị trường hiện nay vẫn ngày đêm bị xâm hại bởi hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc...

Trước những vụ việc xâm phạm quyền lợi NTD trong những năm qua, pháp luật bảo vệ quyền lợi NTD đã và đang từng bước được hoàn thiện nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của NTD với nguyên tắc: “Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là trách nhiệm chung của Nhà nước và toàn xã hội” và chính sách của Nhà nước là: “Tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân chủ động tham gia vào việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng”.

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010, Luật An toàn vệ sinh thực phẩm năm 2010 và các Nghị định hướng dẫn thi hành ra đời là bước ngoặt lớn để xã hội hóa công tác bảo vệ NTD, là công cụ cần thiết đối với việc bảo vệ quyền lợi của NTD nói chung và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng thực phẩm nói riêng, đồng thời bảo vệ các nhà sản xuất kinh doanh chân chính.

Theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 và Luật An toàn thực phẩm 2010, người tiêu dùng thực phẩm có đầy đủ những quyền của người tiêu dùng thông thường (mà Luật Bảo vệ quyền lợi người

tiêu dùng năm 2010 quy định) đồng thời có các quyền bổ sung (mà Luật An toàn thực phẩm năm 2010 quy định). Cụ thể:

Quyền của người tiêu dùng thực phẩm với tư cách là người tiêu dùng thông thường: [25]

i) *Được bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác khi tham gia giao dịch, sử dụng hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ cung cấp.*

ii) *Được cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; nội dung giao dịch hàng hóa, dịch vụ; nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa; được cung cấp hóa đơn, chứng từ, tài liệu liên quan đến giao dịch và thông tin cần thiết khác về hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng đã mua, sử dụng.*

iii) *Lựa chọn hàng hóa, dịch vụ, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo nhu cầu, điều kiện thực tế của mình; quyết định tham gia hoặc không tham gia giao dịch và các nội dung thỏa thuận khi tham gia giao dịch với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.*

iv) *Góp ý kiến với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ về giá cả, chất lượng hàng hóa, dịch vụ, phong cách phục vụ, phương thức giao dịch và nội dung khác liên quan đến giao dịch giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.*

v) *Tham gia xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.*

vi) *Yêu cầu bồi thường thiệt hại khi hàng hóa, dịch vụ không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng, số lượng, tính năng, công dụng, giá cả hoặc nội dung khác mà tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đã công bố, niêm yết, quảng cáo hoặc cam kết.*

vii) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hoặc đề nghị tổ chức xã hội khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

viii) Được tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn kiến thức về tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ.

Ngoài các quyền kể trên, người tiêu dùng thực phẩm còn được hưởng các quyền năng sau:[24]

i) Được cung cấp thông tin trung thực về an toàn thực phẩm, hướng dẫn sử dụng, vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, lựa chọn, sử dụng thực phẩm phù hợp; được cung cấp thông tin về nguy cơ gây mất an toàn, cách phòng ngừa khi nhận được thông tin cảnh báo đối với thực phẩm;

ii) Yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của pháp luật;

iii) Yêu cầu tổ chức bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

iv) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định của pháp luật;

v) Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật do sử dụng thực phẩm không an toàn gây ra.

Có thể nhận thấy rằng, các quyền của người tiêu dùng thực phẩm quy định trong Luật An toàn thực phẩm năm 2010 khá tương đồng với các quyền của người tiêu dùng nói chung mà Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 đã quy định. Riêng đối với lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm theo pháp luật Việt Nam thì “Quyền được an toàn” của người tiêu dùng luôn được đặt lên hàng đầu và được chú trọng nhất.

Ngoài ra, NTD còn được bảo đảm an toàn, bí mật thông tin của mình khi tham gia giao dịch, sử dụng hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Thông qua những quyền được Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 ghi nhận, chúng ta nhận thấy rằng quyền được thỏa mãn những nhu cầu cơ bản và quyền được có môi trường sống lành mạnh và bền vững chưa được ghi nhận trong luật này. Tuy nhiên, hai quyền nói trên đã được ghi nhận ở hình thức phù hợp trong Hiến pháp năm 2013.

2.1.3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm

Song song với việc quy định quyền của người tiêu dùng thực phẩm, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 và Luật An toàn thực phẩm năm 2010 còn quy định rõ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm đối với người tiêu dùng.

Theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010, tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm không được thực hiện các hành vi sau:[25]

- Lừa dối hoặc gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng thông qua hoạt động quảng cáo hoặc che giấu, cung cấp thông tin không đầy đủ, sai lệch, không chính xác về một trong các nội dung sau đây: a) Hàng hóa, dịch vụ mà tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ cung cấp; b) Uy tín, khả năng kinh doanh, khả năng cung cấp hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; c) Nội dung, đặc điểm giao dịch giữa người tiêu dùng với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

- Quấy rối người tiêu dùng thông qua tiếp thị hàng hóa, dịch vụ trái với ý muốn của người tiêu dùng từ 02 lần trở lên hoặc có hành vi khác gây cản trở, ảnh hưởng đến công việc, sinh hoạt bình thường của người tiêu dùng.

- Ép buộc người tiêu dùng thông qua việc thực hiện một trong các hành vi sau đây: a) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc các biện pháp khác gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, uy tín, nhân phẩm, tài sản của người tiêu dùng; b) Lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của người tiêu dùng hoặc lợi dụng thiên tai, dịch bệnh để ép buộc giao dịch.

Ngoài ra, tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm còn phải tuân thủ các nghĩa vụ khác mà Luật An toàn thực phẩm năm 2010 đã quy định. Chẳng hạn, theo quy định tại Điều 7(2) của Luật này, tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm có nghĩa vụ: a) Tuân thủ các điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm, bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất và chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm do mình sản xuất; b) Tuân thủ quy định của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng mà thiếu hụt sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng; c) Thông tin đầy đủ, chính xác về sản phẩm trên nhãn, bao bì, trong tài liệu kèm theo thực phẩm theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa; d) Thiết lập quy trình tự kiểm tra trong quá trình sản xuất thực phẩm; đ) Thông tin trung thực về an toàn thực phẩm; cảnh báo kịp thời, đầy đủ, chính xác về nguy cơ gây mất an toàn của thực phẩm, cách phòng ngừa cho người bán hàng và người tiêu dùng; thông báo yêu cầu về vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng thực phẩm; e) Kịp thời ngừng sản xuất, thông báo cho các bên liên quan và có biện pháp khắc phục hậu quả khi phát hiện thực phẩm không an toàn hoặc không phù hợp tiêu chuẩn đã công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; g) Lưu giữ hồ sơ, mẫu thực phẩm, các thông tin cần thiết theo quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm; thực hiện quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm không bảo đảm an toàn theo quy định tại Điều 54 của Luật này; h) Thu hồi, xử lý thực phẩm quá thời hạn sử dụng, không bảo đảm an toàn. Trong trường hợp xử lý bằng hình thức tiêu hủy thì việc tiêu hủy thực phẩm phải tuân theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quy định

khác của pháp luật có liên quan và phải chịu toàn bộ chi phí cho việc tiêu hủy đó; i) Tuân thủ quy định pháp luật, quyết định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; k) Chi trả chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm theo quy định tại Điều 48 của Luật này; l) Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật khi thực phẩm không an toàn do mình sản xuất gây ra.

Theo quy định tại Điều 8(2) Luật An toàn thực phẩm năm 2010, tổ chức, cá nhân trực tiếp kinh doanh thực phẩm có nghĩa vụ như sau: a) Tuân thủ các điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm trong quá trình kinh doanh và chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm do mình kinh doanh; b) Kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm, nhãn thực phẩm và các tài liệu liên quan đến an toàn thực phẩm; lưu giữ hồ sơ về thực phẩm; thực hiện quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm không bảo đảm an toàn theo quy định tại Điều 54 của Luật này; c) Thông tin trung thực về an toàn thực phẩm; thông báo cho người tiêu dùng điều kiện bảo đảm an toàn khi vận chuyển, lưu giữ, bảo quản và sử dụng thực phẩm; d) Kịp thời cung cấp thông tin về nguy cơ gây mất an toàn của thực phẩm và cách phòng ngừa cho người tiêu dùng khi nhận được thông tin cảnh báo của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu; đ) Kịp thời ngừng kinh doanh, thông tin cho tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu và người tiêu dùng khi phát hiện thực phẩm không bảo đảm an toàn; e) Báo cáo ngay với cơ quan có thẩm quyền và khắc phục ngay hậu quả khi phát hiện ngộ độc thực phẩm hoặc bệnh truyền qua thực phẩm do mình kinh doanh gây ra; g) Hợp tác với tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra ngộ độc thực phẩm để khắc phục hậu quả, thu hồi hoặc xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn; h) Tuân thủ quy định của pháp luật, quyết định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; k) Chi trả chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm theo quy định tại

Điều 48 của Luật này; l) Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật khi thực phẩm mất an toàn do mình kinh doanh gây ra.

Việc tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm vi phạm các nghĩa vụ vừa nêu có thể dẫn tới hệ quả pháp lý là các cơ quan có thẩm quyền sẽ áp dụng các biện pháp chế tài dân sự, hành chính hoặc hình sự theo quy định của các văn bản pháp luật có liên quan.

2.1.4. Cơ chế bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành

Để phòng ngừa vi phạm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm, người tiêu dùng hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể sử dụng hai loại cơ chế quan trọng là (1) khiếu nại, khởi kiện và (2) tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm.

Về cơ chế khiếu nại, khởi kiện

Quyền khiếu nại, khởi kiện là công cụ tốt để bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng nói chung và người tiêu dùng thực phẩm nói riêng. Quyền khiếu nại, khởi kiện của người tiêu dùng thực phẩm đã được Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 và Luật An toàn vệ sinh thực phẩm năm 2010 quy định về mặt nguyên tắc. Nghị định số 38/2012/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm năm 2010 và Nghị định số 99/2011/NĐ - CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 không cụ thể hóa cơ chế thực thi quyền này. Điều đó làm cho việc triển khai quyền khiếu nại, khởi kiện có những vướng mắc nhất định:

Một là, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và pháp luật về an toàn thực phẩm còn khá “mập mờ” trong việc xác định đối tượng bị khiếu nại. Hai đạo luật vừa nêu về lĩnh vực này chưa xác định rõ chủ thể bị khiếu nại mà chỉ liệt kê các đối tượng có thể bị khiếu nại. Thực tế cho thấy, con đường để

các thực phẩm tới tận tay người tiêu dùng thường trải qua rất nhiều khâu trung gian, chính vì thế việc không chốt rõ ràng đơn vị phải giải quyết khiếu nại sẽ dẫn tới tình trạng chây ỳ của các bên liên quan với lý do cần xác minh lỗi và đùn đẩy trách nhiệm cho nhau. Mê hồn trận các lý do của nhà cung cấp thực phẩm, người tiêu dùng thực phẩm sẽ lâm vào một vòng luẩn quẩn để từ đó e ngại, thậm chí từ bỏ quyền khiếu nại của mình vì sợ mất thời gian và công sức đeo đuổi công lý.

Hai là, xét về phạm vi, chủ thể có quyền khiếu nại, theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã bị thu hẹp, Luật yêu cầu người tiêu dùng phải trực tiếp thực hiện việc khiếu nại, trong khi đó, pháp lệnh trước đây cho phép NTD được ủy quyền cho tổ chức bảo vệ quyền lợi thực hiện việc khiếu nại. Theo Điều 28 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tổ chức bảo vệ người tiêu dùng chỉ còn quyền đại diện hoặc trực tiếp khởi kiện. Đối với phương thức khiếu nại, các tổ chức này chỉ tham gia trong phạm vi hướng dẫn, giúp đỡ, tư vấn hoặc làm trung gian hòa giải mà không còn quyền đại diện cho người tiêu dùng tiến hành việc khiếu nại.

Ba là, pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở nước ta hiện nay mới chỉ dừng lại ở việc yêu cầu các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa nói chung và kinh doanh thực phẩm nói riêng phải tiếp nhận và trả lời khiếu nại của người tiêu dùng trong một thời hạn nhất định. Tuy nhiên, pháp luật lại thiếu quy định về chế tài xử phạt trong trường hợp những tổ chức, cá nhân này không thực hiện việc tiếp nhận và trả lời khiếu nại. Không có chế tài xử phạt cũng đồng nghĩa với việc không có cơ chế kiểm tra, giám sát. Đây cũng chính là một trong những kẽ hở để các nhà cung cấp lợi dụng nhằm không giải quyết khiếu nại thỏa đáng cho người tiêu dùng.

Thực tế cho thấy, theo thống kê của Hội tiêu chuẩn và bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam, trong tổng số các khiếu nại mà tổ chức này nhận được hàng

năm có đến 69% là khiếu nại về chất lượng hàng hóa, 29,5% là các khiếu nại về bảo hành hàng hóa và 6% liên quan đến làm giả nhãn mác; 29,5% khiếu nại liên quan đến hàng điện, điện tử, chỉ có 20% là các vụ khiếu nại liên quan an toàn vệ sinh thực phẩm, mỹ phẩm, môi trường, 3% khiếu nại liên quan thuốc chữa bệnh và thực phẩm chức năng.[10, tr. 207 – 211] Số lượng các khiếu nại chủ yếu tập trung tại các thành phố lớn, nhiều địa phương cả năm không có bất kỳ một khiếu nại nào. Đây là thực tế đáng báo động để minh chứng cho những bất cập trong quy định về quyền khiếu nại trong pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của nước. Sự thiếu rõ ràng đã khiến họ e ngại, khi thực hiện quyền năng được Nhà nước thừa nhận. Bởi, với vị thế yếu hơn, người tiêu dùng sẽ luôn là người phải gánh chịu thiệt thòi.

Về cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm

Theo Chiến lược Quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đến năm 2020 phấn đấu kiểm soát an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm được thiết lập và phát huy hiệu quả, chủ động trong việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.[34] Chiến lược nêu rõ, bảo đảm an toàn thực phẩm chính là bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng và sức khỏe nhân dân, là một nhiệm vụ thường xuyên cần tập trung chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, là trách nhiệm và quyền lợi của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm và của mỗi người dân.

Trong giai đoạn từ nay tới 2020, các cơ quan có thẩm quyền sẽ tăng cường thanh tra, kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh hóa chất bảo vệ thực vật và các vật tư nông nghiệp, bảo đảm sử dụng đúng chất lượng, chủng loại, liều lượng, thời gian cách ly của các loại vật tư nông nghiệp trong trồng trọt, chăn nuôi, bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm. Thường xuyên giám

sát, kiểm tra tồn dư hóa chất độc hại trong nông sản, thủy sản thực phẩm; kiểm soát chặt chẽ giết mổ và vệ sinh thú y, vệ sinh thủy sản; kiểm tra việc thực hiện các quy định bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi sản xuất. Bên cạnh đó, ngăn chặn việc kinh doanh hàng thực phẩm giả, kém chất lượng, quá hạn sử dụng, vi phạm quy định ghi nhãn hàng hóa, có nguồn gốc nhập lậu và gian lận thương mại, hàng thực phẩm vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm. Trên thực tế, trong năm 2015, cả nước đã thành lập trên 20.600 đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành, qua đó kiểm tra hơn 344.600 cơ sở, phát hiện 77.946 cơ sở vi phạm, chiếm 22,6%. Riêng trong quý 1/2016, cả nước đã thành lập trên 9.400 đoàn thanh tra, kiểm tra trên 109 nghìn cơ sở, phát hiện 20.572 cơ sở vi phạm.[35] Trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình, các cơ quan chức năng tại các địa phương cũng tiến hành xử lý vi phạm hành chính các hành vi vi phạm pháp luật về vệ sinh, an toàn thực phẩm, tăng cường răn đe các cá nhân, doanh nghiệp vi phạm.

Có thể thấy, trong cơ chế thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hiện nay, Luật An toàn thực phẩm năm 2010 chưa ghi nhận vai trò của cơ quan công an, đặc biệt là cảnh sát môi trường trong đấu tranh phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực tế này làm hạn chế khả năng cơ quan công an địa phương hỗ trợ các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong trường hợp các cơ sở này không hợp tác, gây khó khăn cho việc thực hiện nhiệm vụ của các đoàn thanh tra. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động thanh tra chuyên ngành ATTP cấp quận, cấp phường.

Về cơ chế xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATTP: các chế tài xử phạt như phạt tiền; tước quyền sử dụng giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính về ATTP là

những tác động mạnh mẽ lên hành vi của cá nhân, tổ chức. Tuy nhiên, việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATTP sẽ không thể thực hiện được, các chế tài xử phạt hành chính sẽ không thể được áp dụng nếu các chủ thể có thẩm quyền không chú ý đến vấn đề thời hiệu và thời hạn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này. Trong năm 2015, Cục trưởng Cục an toàn thực phẩm đã ra quyết định xử phạt 261 công ty vi phạm về an toàn thực phẩm với tổng số tiền phạt hơn 4,756 tỷ đồng.[36] Trong quý I/2016, Cục trưởng Cục an toàn thực phẩm đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 20 công ty vi phạm về an toàn thực phẩm với tổng số tiền phạt là 480.457.000 đồng.[41] Cùng với hình thức phạt tiền, Cục an toàn thực phẩm đã buộc các cơ sở nêu trên dừng ngay hành vi vi phạm; tháo gỡ các nội dung quảng cáo sai quy định; thực hiện kiểm nghiệm định kỳ sản phẩm theo quy định; thu hồi, tiêu hủy lô sản phẩm vi phạm chất lượng.

Về cơ chế xử lý vi phạm pháp luật hình sự về an toàn thực phẩm. Pháp luật hình sự tội phạm hóa hành vi vi phạm an toàn vệ sinh thực phẩm khá sớm (từ Bộ luật hình sự 1985) nhưng tội danh này được quy định với cấu thành vật chất (đòi hỏi phải có hậu quả xảy ra) đã gây khó khăn cho các cơ quan chức năng trong việc xử lý về mặt hình sự các hành vi vi phạm VSATTP. Các hành vi này không chỉ gây ra những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe trong hiện tại mà có thể gây những ảnh hưởng nguy hiểm về sau. Chính vì vậy, quy định về yêu cầu phải có hậu quả xảy ra ngay mới có thể tiến hành truy tố hành vi vi phạm là một trong những rào cản làm cho các hành vi vi phạm về an toàn thực phẩm rất khó bị xử lý về mặt hình sự. Cần chú ý rằng, trong chế tài hình sự, bên cạnh các hình phạt chính thì cần áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định vĩnh viễn đối với các cá nhân, tổ chức phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe con

người trong các điều luật có liên quan đến hành vi ATTP, đặc biệt là các tội phạm quy định tại Điều 317 BLHS 2015.

Trong thời gian qua, các cơ quan tiến hành tố tụng cũng đã phát hiện, xử lý các vụ vi phạm có đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, từ năm 2011 đến năm 2015, cả nước chỉ xét xử được 03 vụ phạm tội theo Điều 244 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) “Tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm”, cụ thể năm 2012: 02 vụ và năm 2013: 01 vụ. Bên cạnh đó, trong phạm vi cả nước, một số tội phạm có liên quan đến hành vi vi phạm an toàn thực phẩm đã qua xét xử như sau: (xem Biểu đồ số 2.6)[30]

Tội danh	2011	2012	2013	2015	2015
Điều 153	74	79	97	97	101
Điều 154	56	65	67	71	69
Điều 155	276	422	458	493	57
Điều 157	38	41	23	42	38
Điều 186	0	1	0	0	0
Điều 244	0	2	1	0	0

[30]

2.2. Thực tiễn thi hành pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm tại Bình Dương

2.2.1. Tình hình an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Bình Dương là tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Phía Đông giáp tỉnh Đồng Nai, phía Bắc giáp tỉnh Bình Phước, phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và một phần thành phố Hồ Chí Minh, phía Nam giáp thành phố Hồ Chí Minh và một phần tỉnh Đồng Nai. Theo Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 29/12/2013 của Chính phủ, tỉnh Bình Dương có diện tích tự nhiên là 2.694,43 km² (chiếm khoảng 0,83% diện tích cả

nước, khoảng 12% diện tích miền Đông Nam Bộ); dân số 1.802.500 người (Tổng cục Thống kê – tháng 10/2014); 09 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm: thành phố Thủ Dầu Một, thị xã Dĩ An, thị xã Thuận An, thị xã Bến Cát, thị xã Tân Uyên và các huyện Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên, Dầu Tiếng, Phú Giáo) và 91 đơn vị hành chính cấp xã (48 xã, 41 phường, 02 thị trấn). Từ một tỉnh chủ yếu là sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, Bình Dương đã trở thành một tỉnh phát triển công nghiệp, với dân số trên 2,0 triệu người. Toàn tỉnh có 28 khu công nghiệp với diện tích 10.560 ha và 10 cụm công nghiệp với diện tích 707 ha. Hiện tỉnh thu hút hơn 2.800 dự án đầu tư nước ngoài với tổng số vốn 25,7 tỷ đô la Mỹ và 25.350 doanh nghiệp trong nước với tổng số vốn hơn 188.000 tỷ đồng. Những năm qua, Bình Dương đạt mức tăng trưởng kinh tế khá cao so với vùng và cả nước, giai đoạn 2011- 2015 tăng 13%; đến cuối năm 2016, cơ cấu kinh tế theo theo GRPD tương ứng công nghiệp – dịch vụ - nông nghiệp – thuế nhập khẩu trừ trợ cấp sản phẩm là 63% - 23,5% - 9,2%; GRDP bình quân đầu người đạt 108,6 triệu đồng.

Theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020, quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa sẽ được đẩy mạnh, cụ thể: Tỷ lệ đô thị hoá từ 40% năm 2010, tăng lên 50% năm 2015 và dự kiến đạt 75% năm 2020. Dự báo, nếu dân số đô thị năm 2010 là 480 nghìn người thì năm 2020 sẽ là 1,5 triệu người. Phần đầu đưa tỉnh Bình Dương trở thành đô thị loại I, trực thuộc Trung ương vào năm 2020. Không gian thành phố Bình Dương kết nối với thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Biên Hoà trở thành đại đô thị của cả nước. Năm 2020, dự kiến toàn Tỉnh có 31 khu công nghiệp với tổng diện tích 9.360,5 ha và 23 cụm công nghiệp với tổng diện tích 2.704 ha.

Có thể thấy rằng, Bình Dương là một trong các tỉnh nằm trong vành đai vận chuyển nguyên liệu thực phẩm, đặc biệt là nguyên liệu thực phẩm tươi sống từ các tỉnh vận chuyển về cung cấp cho các tỉnh miền Đông Nam Bộ nói

chung và Bình Dương nói riêng để phục vụ cho người dân tại các khu, cụm công nghiệp, trong khi đó việc xây dựng ban hành quy chế phối hợp giữa các tỉnh trong việc kiểm soát nguyên liệu thực phẩm vẫn chưa được thực hiện. Vệ sinh, an toàn thực phẩm (VSATTP) là một trong những vấn đề đang nổi lên rất bức thiết thời gian qua, được rất nhiều cử tri quan tâm và lên tiếng. Nỗi lo của người dân về bữa ăn hàng ngày không bảo đảm đang được coi là “vấn nạn”. Chỉ tính riêng tại Bình Dương, từ đầu năm đến nay, các ngành chức năng đã phát hiện nhiều vụ việc liên quan đến nguồn thực phẩm không an toàn. Các nguồn thực phẩm đó đều không thể thiếu trong bữa ăn hàng ngày của nhiều gia đình. Sau đây, tác giả xin đơn cử một vài “bức xúc” của cử tri tại Tỉnh Bình Dương:

Cử tri Đỗ Trọng Kiểu, hội viên Hội Cựu chiến binh phường Phú Thọ, TP.Thủ Dầu Một chia sẻ: “Bây giờ, việc ăn uống lại thường trực với nỗi lo bệnh tật. Sự hủy hoại từ thực phẩm bản không ập tới bất ngờ mà âm ỉ và ảnh hưởng tới nhiều thế hệ”. Còn cử tri Trần Thị Hồng, khu phố 1, phường Tân An, TP.Thủ Dầu Một nói: “Việc đi chợ với những người nội trợ như tôi quả là một bài toán đau đầu. Thịt heo thì sợ chất cấm, thịt bò thì bị “phù phép”, rau muống thì bị tưới nhớt; một số cơ sở bị phát hiện trộn chất vàng ô - một chất độc hại chỉ dùng trong công nghiệp vào dưa muối; trái cây thì để vài tháng không hỏng... Nhiều lúc, chúng tôi không biết phải mua gì và ăn gì cho an toàn”. [38]

Cử tri Bùi Thu Hoa, phường Chánh Nghĩa, TP.Thủ Dầu Một cho biết: “Bản thân những người nội trợ như chúng tôi phải trở thành người thông thái. Vì thế, nhà nhà, người người tự trồng những vườn rau an toàn tại nhà. Hơn nữa, tại TP.Thủ Dầu Một cũng đã có một số cửa hàng chuyên cung cấp rau an toàn cho khách hàng như cửa hàng Đà Lạt House, siêu thị 7P, cửa hàng nông sản an toàn trên đường 30- 4. Tuy nhiên, tôi cũng như nhiều cử tri khác đều

mong muốn trên thị trường nói chung cung cấp thực phẩm sạch đối với mỗi người, mỗi hộ gia đình sẽ được bảo đảm trong bữa ăn hàng ngày. Bởi vì thực tế, không phải cá nhân nào cũng đủ điều kiện để sử dụng những thực phẩm sạch với giá thành khá cao”.[38]

Cử tri Trần Anh Tuấn, phường Hưng Định, TX.Thuận An cho biết: “Vài năm trước, tôi có chăn nuôi heo để ổn định kinh tế gia đình. Tuy nhiên, có một thực trạng là khi thương lái tới thu mua, họ khuyến khích những hộ chăn nuôi như chúng tôi sử dụng chất cấm tạo nạc để vỗ béo cho heo tăng trọng. Loại heo này khi bán ra thị trường lại có giá hơn heo bình thường bởi tỷ lệ thịt nạc cao hơn. Còn heo bình thường như của tôi nuôi thì luôn bị mua với giá thấp hơn khoảng 4 - 5 giá. Chính thực trạng này đã khiến những người chăn nuôi chân chính như chúng tôi điêu đứng. Bởi lẽ, sản phẩm heo sử dụng chất tăng trọng, tạo nạc cấp tốc thường có màu thịt đỏ và siêu ít mỡ và bán được giá, trong khi màu thịt heo không sử dụng chất cấm thì nhợt nhạt và nhiều mỡ, bán lại không được giá”.[38]

Trao đổi với phóng viên, nhiều cử tri cho rằng, việc lên tiếng kịp thời của các đại biểu trước “vấn nạn” “thực phẩm bẩn” là rất đáng ghi nhận. Tại các kỳ họp Quốc hội, đặc biệt là các kỳ họp HĐND tỉnh gần đây, vấn đề mất VSATTP đã được đưa lên bàn nghị sự. Các đại biểu đã chuyển tải được sự lo lắng, nổi bức xúc của bà con cử tri tại các diễn đàn. Cử tri Trần Anh Tuấn, phường Hưng Định, TX.Thuận An bày tỏ phần khởi trước những tín hiệu khả quan về các chế tài xử phạt nạn thực phẩm bẩn. Ông Tuấn nói: “Tôi rất hài lòng khi các đại biểu đã nói lên tiếng nói của nhân dân về vấn nạn thực phẩm bẩn. Tôi hy vọng, với các biện pháp xử lý mạnh tay, trong thời gian tới, vấn nạn này sẽ được xử lý một cách triệt để nhằm bảo đảm sức khỏe cho người tiêu dùng và sự cạnh tranh lành mạnh cho những người sản xuất, kinh doanh chân chính”.

Còn cử tri Phan Ngọc Hòa, khu phố Hưng Lộc, phường Hưng Định chia sẻ: “VSATTP luôn là vấn đề được toàn xã hội quan tâm. Sự lên tiếng của các đại biểu và sự vào cuộc của các lực lượng chức năng thời gian qua trước vấn đề này đã phần nào giúp người dân cảm thấy yên tâm hơn. Tôi mong rằng, từ các biện pháp xử lý nghiêm minh, ý thức bảo đảm VSATTP của chủ trang trại chăn nuôi, đơn vị sản xuất, kinh doanh lương thực, thực phẩm sẽ được nâng cao. Tôi cũng hy vọng rằng, các giải pháp đồng bộ được các ngành triển khai sẽ bảo đảm nguồn thực phẩm phục vụ người dân an toàn, bảo đảm sức khỏe”.[38]

Cử tri Nguyễn Văn Bảy, khu phố Nguyễn Trãi, phường Lái Thiêu tỏ ra vui mừng nói: “Để bảo đảm nguồn thực phẩm sạch cho người dân, các cơ quan chức năng cũng đã có sự vào cuộc quyết liệt, chặn đứng nhiều chuyến hàng thực phẩm bẩn. Ngày 1-7 tới, Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi với những quy định chặt chẽ việc sử dụng các chất cấm trong chăn nuôi sẽ chính thức có hiệu lực. Theo đó, mức phạt đối với các cá nhân, chủ cơ sở vi phạm sản xuất, sử dụng chất cấm trong giết mổ, chăn nuôi sẽ rất cao. Đối tượng sản xuất, kinh doanh chất cấm có thể bị phạt từ 100 triệu đến 1 tỷ đồng, phạt tù từ 1 - 5 năm; vận chuyển chất cấm bị phạt 200 triệu đồng, phạt tù từ 1 - 5 năm; sử dụng chất cấm bị phạt 200 - 500 triệu đồng, phạt tù 1 - 5 năm; nếu có tình tiết tăng nặng có thể bị phạt tù đến 20 năm là biện pháp mạnh tay trong quá trình dẹp nạn thực phẩm bẩn”.[38]

Hiện nay, ngày càng có nhiều doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh có ý thức cao về việc bảo đảm VSATTP. Nhiều trang trại sản xuất quy mô, nhiều vườn cây trái bảo đảm tiêu chuẩn VietGAP; đầu ra sản phẩm được kiểm định kỹ lưỡng, đúng quy trình... đã và đang góp phần đưa thực phẩm sạch đến tay người tiêu dùng. Để thắng tay dẹp nạn thực phẩm bẩn, cử tri cho rằng, ngoài trách nhiệm chính của các cơ quan chức năng, sự vào cuộc của cả hệ thống

chính trị thì vai trò giám sát, phản biện của người đại biểu dân cử sẽ góp phần rất quan trọng trong việc bảo đảm VSATTP, một vấn đề đang được cả xã hội quan tâm hiện nay.

Theo thống kê của ngành Y tế tỉnh Bình Dương, thời gian gần đây, số vụ ngộ độc thực phẩm tại các khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn tỉnh đã giảm đáng kể, nhưng vẫn luôn là vấn đề cần được tỉnh quan tâm. Toàn tỉnh hiện có 1.276 bếp ăn tập thể. Trong đó có 685 bếp ăn doanh nghiệp, 618 bếp ăn trường học và 223 cơ sở cung cấp suất ăn công nghiệp. Trong 05 năm (tính từ năm 2011 – 2016), tỉnh Bình Dương đã xảy ra 12 vụ ngộ độc thực phẩm (từ năm 2010 - 2014, có 11 vụ với 487 người bị ngộ độc trong khi từ đầu năm 2015 đến nay, có 1 vụ với 70 người bị ngộ độc), trong đó có 02 người tử vong. Tỷ lệ ca mắc trung bình là 5,36 ca mắc/100.000 dân, thấp hơn giai đoạn 2011-2015 (8ca/100.000 dân); số vụ ngộ độc giảm 21 vụ, số ca mắc/100.000 dân giảm 20,84 ca so với giai đoạn 2006 – 2010.[37]

Bên cạnh số vụ ngộ độc thực phẩm, các vi phạm về cung ứng thực phẩm không an toàn cũng được các cơ quan chức năng được phát hiện và xử lý, cụ thể:

Từ năm 2009 - 2010, một số vụ điển hình như: 09 tấn cánh gà nhập khẩu đưa vào kho lạnh đã quá hạn sử dụng. Hội đồng tư vấn của tỉnh đã cho kiểm nghiệm và thống nhất tiêu hủy; vụ 100 tấn thịt cừu nhập khẩu trong kho đông lạnh đã quá hạn sử dụng doanh nghiệp tự giác báo cáo đơn vị chức năng và cho phép sử dụng cho cá sấu ăn; vụ 10 tấn phủ tạng heo đã chuyển màu xám đen và hôi thối phạt hành chính cho tiêu hủy; vụ 15.000 tấn sữa hộp quá hạn sử dụng; vụ 98 tấn rau câu có độc tố cho thu hồi trên toàn bộ thị trường và cho tiêu hủy; vụ 6.000 bánh trung thu cấp phát cho công nhân không nguồn gốc, chất lượng kém cho tiêu hủy; vụ sản xuất mỹ phẩm giả tại huyện Thuận An tịch thu, tiêu hủy 4.830 hộp mỹ phẩm, 15.000 vỏ hộp, 43 kg bao bì,

03 nồi đựng mỹ phẩm; vụ 08 tấn chân, bín bò và lòng heo tại Thuận An (tháng 04/2011); vụ phục vụ đám cưới bằng thực phẩm thối tại nhà hàng Quân Đoàn 4 (năm 2012) phạt hành chính 20 triệu đồng.

Gần đây nhất vào tháng 03/2016 một cơ sở dự trữ heo tại Thị xã Bến Cát đã mua heo từ Bến Tre về nhốt trong chuồng sau đó bơm nước và thuốc ngủ vào 218 con heo trước khi trở về lò mổ heo quận Bình Thạnh giết mổ bán cho người tiêu dùng; tháng 04/2016 phòng cảnh sát môi trường bắt vụ 01 tấn thịt heo thối vận chuyển từ Đồng Nai về Phường Lái Thiêu để bán lại cho 12 điểm bán lẻ tại chợ để bán cho người tiêu dùng. Số thịt heo này sau đó bị thu hồi, tiêu hủy trong ngày và phạt hành chính 10 triệu đồng (người vận chuyển); vụ trên 05 tấn bột canh giả nhãn hiệu công ty mua về cung cấp cho công nhân; vụ 21.000 sản phẩm gia vị các loại sản xuất không có giấy phép, không đăng ký chất lượng cho tiêu hủy; một số vụ cho chất cấm vào thức ăn chăn nuôi, thậm chí năm 2016 có 02 trường học bếp ăn tập thể phục vụ cho học sinh đã chế biến thực phẩm không an toàn để phục vụ học sinh...[16]

Chỉ tính riêng 09 tháng đầu năm 2016 thanh tra chuyên ngành quản lý chất lượng đã tổ chức 11 cuộc thanh kiểm tra về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Theo phân cấp quản lý, Chi cục quản lý chất lượng chỉ thanh kiểm tra các cơ sở kinh doanh cấp tỉnh.

Số đối tượng được thanh tra là 156 cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm sản và thủy sản. Những lĩnh vực thanh tra chủ yếu gồm: Kiểm tra việc chấp hành quy định về an toàn thực phẩm trong sản xuất và kinh doanh nông lâm sản và thủy sản; Thanh tra truy xuất nguồn gốc thực phẩm mất an toàn; Thanh tra theo phản ánh về các mối nguy cơ gây mất ATTP; thanh tra theo đơn tố cáo.

Qua thanh tra các cơ quan chức năng đã phát hiện và xử lý 28 vụ vi phạm. Trong đó cảnh cáo nhắc nhở 3 vụ, xử phạt hành chính 25 vụ vi phạm về an

toàn thực phẩm với tổng số tiền phạt là 156.815.000 đồng. Các vi phạm chủ yếu là cơ sở sản xuất kinh doanh không đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm; sản phẩm không đạt chất lượng, không bảo đảm an toàn, tồn dư chất cấm hoặc tồn dư vượt mức quy định...

Dưới đây là một số vụ điển hình:

- Thanh tra truy xuất nguồn gốc thực phẩm mất an toàn của giám sát đợt 2/2015 (nhiễm khuẩn Salmonella và Salbutamol) tại 68 cơ sở. Kết quả có 16 cơ sở có vi phạm, đã lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính 15 trường hợp, phạt tổng số tiền 18.600.000 đ.

- Phối hợp Phòng Cảnh sát môi trường (PC 49) thành lập đoàn thanh tra ATTP tại 12 cơ sở kinh doanh măng tre trên địa bàn tỉnh. Kết quả thanh tra 10/12 cơ sở (02 cơ sở không hoạt động) có 02 cơ sở kinh doanh măng tươi có chất Auramin O (vàng ô). Kết quả xử lý 02 cơ sở vi phạm phạt số tiền 2.115.000 đồng.

- Phối hợp với Chi cục QLTT tổ chức thanh tra cơ sở thực phẩm Việt (Viet FOODS): Theo phản ánh của báo đài và yêu cầu tình hình thực tế về kiểm tra truy xuất nguồn gốc 2,2 tấn xúc xích của cơ sở này (tại ấp Lồ ồ, xã An Tây, Thị xã Bến Cát) đã bị Đội Quản lý thị trường số 14 Hà Nội bắt tạm giữ và xử lý do có sử dụng phụ gia thực phẩm là chất ổn định màu Natri Nitrate 251 và cho rằng đây là phụ gia thực phẩm không được sử dụng trong xúc xích, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản đã thành lập Đoàn thanh kiểm tra Liên ngành, phối hợp với Chi cục Quản lý thị trường, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm. Kết quả thanh tra Công ty đảm bảo đầy đủ các điều kiện về ATTP. Kiểm tra mẫu xúc xích của Cơ sở kết quả có 01 mẫu có hàm lượng Natri Nitrat 110 mg/kg và 01 mẫu có hàm lượng Natri Nitrat 70 mg/kg. Tuy nhiên, hồ sơ công bố các sản phẩm này do Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xác nhận phù hợp quy định ATTP và còn hiệu lực. Cục An toàn vệ sinh

thực phẩm cũng đã có văn bản xác nhận được phép sử dụng Natri Nitrat trong giới hạn qui định nên không xử lý Cơ sở VietFOODS.

- Thanh tra theo đơn tố cáo của người dân Công ty sản xuất trà A Đại Thành: Một số người dân ở khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, Thuận An tố cáo một cơ sở sản xuất trà không đảm bảo ATTP, Chi cục đã phối hợp Phòng Cảnh sát môi trường (PC 49) và Phòng Cảnh sát Kinh tế Bình Dương thành lập đoàn thanh tra ATTP theo đơn tố cáo tại cơ sở này. Kết quả thanh tra một số nội dung theo đơn tố cáo là đúng và Chi cục đã ra quyết định xử phạt Công ty A Đại Thành (sản xuất trà) số tiền 36.300.000 đồng vì các vi phạm: Không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm; sử dụng người lao động không mang, mặc trang phục bảo hộ theo quy định; không có đủ trang thiết bị, dụng cụ phù hợp theo quy định để xử lý nguyên liệu, chế biến, đóng gói (sản xuất trà trên nền nhà xưởng không đảm bảo ATTP); kinh doanh không đúng địa điểm ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; vi phạm về nhãn hàng hóa.[40]

2.2.2. Thực trạng bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm tại Bình Dương

Thực phẩm không an toàn tràn lan trên thị trường và người tiêu dùng thực phẩm hàng ngày đang “mang mầm bệnh” vào cơ thể. Tuy nhiên, không phải người tiêu dùng thực phẩm nào cũng khiếu nại, khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình, bởi đơn giản họ ngại va chạm, sợ mất thời gian và các chi phí theo đuổi khiếu nại, tố cáo. Mặc dù an toàn thực phẩm đang là “vấn nạn”, nhưng ở tỉnh Bình Dương nói riêng vẫn đề khiếu nại, khởi kiện về an toàn thực phẩm hầu như không có.

Trong bối cảnh đó, nhằm bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, việc thực hiện công tác an toàn thực phẩm được Ủy ban nhân dân tỉnh chú trọng, bằng việc UBND tỉnh đã thành lập Ban chỉ

đạo ATTP của tỉnh do 01 Phó chủ tịch làm trưởng ban, Phó ban thường trực là Giám Đốc sở Y tế. Các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn đều đã có ban chỉ đạo, hoạt động của các ban đã từng bước đưa công tác ATTP ngày một tốt hơn. Sự phối hợp giữa các ngành Y tế, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày càng chặt chẽ và động bộ hơn. Ban quản lý các khu công nghiệp cùng các sở ngành trong tỉnh đã hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện nghiêm các quy định về ATTP. Các tổ chức đoàn thể như: Hội liên hiệp phụ nữ, Tỉnh đoàn, Hội nông dân đã tập trung tuyên truyền sâu rộng cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện tốt các quy định của nhà nước trong công tác ATTP. Công tác giám sát, phân tích nguy cơ ô nhiễm đã được triển khai, việc xét nghiệm được tổ chức tốt tại 03 tuyến qua đó phát hiện và xử lý các loại thực phẩm ô nhiễm như: hóa chất bảo vệ thực vật (rau, quả), chất tạo màu trong (thịt quay, bánh kẹo...), chất tạo cấu trúc hàn the trong các loại (chả, mì), tynopal trong các sản phẩm từ gạo (bún, bánh phở)...

Tỉnh cũng đã có các biện pháp như: đã xây dựng mô hình vận động cam kết không để xảy ra ngộ độc thực phẩm tại các bếp ăn tập thể; mô hình an toàn thực phẩm trên đường phố; mô hình ký cam kết không cho chất cấm trong thức ăn chăn nuôi; các đại lý thu mua heo không được tác động bất cứ hình thức nào để tăng trọng cho heo trước khi giết mổ, các lò mổ phải thực hiện nghiêm không được giết mổ heo không có nguồn gốc xuất xứ hoặc các hộ bán lẻ thịt heo cam kết không được bán thịt heo không rõ nguồn gốc và thịt heo không an toàn cho người tiêu dùng.[16]

Như vậy, thực trạng bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực ATTP trên toàn tỉnh trong thời gian qua, bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì cũng còn nhiều hạn chế trong đó đáng nói là ý thức “phòng ngừa” của người tiêu dùng thực phẩm chưa cao và trách nhiệm của các cơ quan có

thảm quyền còn hạn chế. Vì vậy, người tiêu dùng không tích cực trong việc khiếu nại, khởi kiện. Nguyên nhân của những hạn chế này gồm:

Về khách quan: Vấn đề ATTP đang là vấn đề mang tính thời sự, nhạy cảm được toàn xã hội quan tâm, đây vừa là thách thức, vừa tạo áp lực rất lớn cho cơ quan quản lý về ATTP. Nền kinh tế xã hội của tỉnh đang phát triển nhanh, dân số tăng cao dẫn đến nhu cầu về thực phẩm cho xã hội là rất lớn, trong khi đó, cơ chế chính sách chưa đồng bộ, tổ chức bộ máy thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát ATTP. Nguy cơ rủi ro do sử dụng thực phẩm không an toàn là khó tránh khỏi. Thêm vào đó, một bộ phận người dân trên địa bàn tỉnh và dân nhập cư đời sống kinh tế còn thấp (công nhân trong các khu vực nhà trọ, người lao động phổ thông...) không có điều kiện kinh tế để mua những thực phẩm an toàn giá cao (trong siêu thị) mà vẫn phải chấp nhận sử dụng thực phẩm trôi nổi, giá rẻ mặc dù biết nguy cơ ngộ độc vẫn có thể xảy ra.

Về chủ quan, có thể kể tới các nguyên nhân sau:

- Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý ATTP còn thiếu và không đủ để triển khai các hoạt động (cán bộ làm công tác quản lý ATTP của tỉnh thấp nhất so với các tỉnh khu vực Đông Nam Bộ); tuyến xã không có cán bộ chuyên trách ATTP. Hệ thống tổ chức các cơ quan quản lý ATTP nông, lâm, thủy sản hình thành từ năm 2011 và mới ổn định ở cấp tỉnh, nhưng cũng thiếu biên chế để tổ chức theo Thông tư liên bộ số 14/2015/TTLB-BNV-BNNPTNT; Phòng Kinh tế tuyến huyện không có biên chế chuyên trách công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Đặc biệt là lực lượng cán bộ làm công tác thanh – kiểm tra, dẫn đến số cơ sở sản xuất được kiểm tra, giám sát mới đạt khoảng 40%/tổng số cơ sở nên hiệu quả quản lý ATTP chưa cao.

- Mặc dù công tác đảm bảo ATTP được UBND tỉnh, các cấp các ngành quan tâm nhưng đầu tư kinh phí cho công tác quản lý ATTP còn thấp, năm 2016, kinh phí từ Trung ương cấp cho tỉnh vào tháng 10 nên việc triển khai các hoạt động về ATTP chậm. Việc ban hành cơ chế cho địa phương giữ lại 100% kinh phí xử phạt hành chính về ATTP theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 vẫn chưa được Trung ương triển khai. Do đó, các hoạt động đảm bảo ATTP triển khai rất khó khăn, đặc biệt là công tác xét nghiệm đánh giá chất lượng sản phẩm.

- Về cơ sở hạ tầng, phương tiện phục vụ cho hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm chưa được quan tâm đúng mức. Lực lượng cán bộ quản lý về ATTP toàn tỉnh nhìn chung còn thiếu về số lượng, yếu về chuyên môn.

- Vấn đề ô nhiễm thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm cơ bản được kiểm soát nhưng chưa bền vững, nhất là tình trạng sử dụng hóa chất cấm trong trồng trọt, chăn nuôi. Việc kiểm soát các nguồn nguyên liệu thực phẩm, đặc biệt là các nguyên liệu tươi sống như rau, củ, quả, thịt cá... từ các tỉnh vào Bình Dương còn gặp nhiều khó khăn, do chưa có sự liên kết phối hợp chặt chẽ giữa các địa phương và thiếu nhân lực để kiểm soát. Bên cạnh đó, nhiều chợ tự phát, các xe bán rong, quây sạp di động...phát triển nhanh và bày bán những thực phẩm có giá thành rẻ phục vụ cho người lao động có thu nhập thấp tại các khu, cụm công nghiệp dẫn đến rất khó kiểm soát nguồn gốc và chất lượng thực phẩm.

- Hệ thống kiểm nghiệm tại địa phương chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh về công nghiệp sản xuất thực phẩm và yêu cầu của công tác quản lý. Chưa có trang thiết bị kiểm nghiệm di động phục vụ công tác kiểm tra về ATTP và xử lý các sự cố có liên quan đến ATTP. Chưa có trung tâm kiểm nghiệm chuyên ngành phục vụ cho công tác dự báo, cảnh báo và kiểm soát các nguy cơ ô nhiễm thực phẩm, ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực

phẩm. Trong khi đó, tiến độ triển khai đầu tư cho dự án nâng cao năng lực kiểm nghiệm chuyên sâu về ATTP của tỉnh còn chậm.

- Ngoài các cơ sở sản xuất có quy mô công nghiệp thì vẫn còn một số lượng lớn các cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ. Các cơ sở hay sử dụng các phương pháp “phi truyền thống” có thể ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản. Việc chấp hành quy định pháp luật về ATTP còn thấp; phần lớn cơ sở này do tuyến xã quản lý, nhưng lại thiếu nhân lực, nên không kiểm tra, kiểm soát được chặt chẽ các cơ sở này. Do đó, công tác quản lý sản xuất ban đầu nhỏ lẻ còn yếu, trong khi đó, các hộ sản xuất nhỏ lẻ thường không đầu tư nhiều. Mặt khác, phương thức quản lý chưa khoa học nên chưa ràng buộc cụ thể trách nhiệm pháp lý. Việc kiểm soát điều kiện vệ sinh, an toàn thực phẩm ở các chợ tự phát vẫn còn nhiều bất cập.

- Mạng lưới thanh tra, kiểm tra còn thiếu cả về nhân lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Ngành Y tế cấp huyện chưa có mạng lưới thanh tra chuyên ngành, tuyến xã chỉ có cán bộ kiêm nhiệm về ATTP. Ngành Nông nghiệp và ngành Công Thương chỉ có cán bộ kiêm nhiệm ở tuyến huyện và hầu hết tuyến xã chưa có cán bộ quản lý về ATTP. Hàng năm chỉ tổ chức thanh tra, kiểm tra được khoảng 40% tổng số cơ sở được quản lý. Mặt khác quy định thanh, kiểm tra phải thông báo trước bằng văn bản, do đó doanh nghiệp dễ chuẩn bị và đối phó nên khó phát hiện sai phạm.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về ATTP tương đối đầy đủ nhưng vẫn còn một số điểm cần bổ sung và hoàn thiện.

Kết luận Chương 2

Tóm lại, trong chương 2 của luận văn, tác giả đã tập trung tìm hiểu và phân tích thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh

vực VSATTP, đồng thời, nêu rõ các quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng trong lĩnh vực VSATTP trong Luật An toàn thực phẩm và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng, tác giả cũng đi sâu phân tích cơ chế bảo vệ quyền và lợi ích của người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm, đó là cơ chế: Khiếu nại, khởi kiện và cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm.

Cũng qua chương 2 này, tác giả cho bạn đọc quan tâm có một cái nhìn hoàn thiện về tình hình VSATTP trên địa bàn tỉnh Bình Dương như: những bức xúc về VSATTP trên phạm vi toàn tỉnh; về số lượng vụ ngộ độc thực phẩm được phát hiện và xử lý về thực trạng vi phạm pháp luật vệ sinh, an toàn thực phẩm. Đặc biệt, tác giả bám sát vào vấn đề thực trạng bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm trên toàn tuyến Tỉnh. Qua tìm hiểu thực tiễn, tác giả cũng nêu lên những bất cập và nguyên nhân của những bất cập đối với thực trạng nêu trên.

Chương 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG LĨNH VỰC VỆ SINH, AN TOÀN THỰC PHẨM TẠI TỈNH BÌNH DƯƠNG

3.1. Bối cảnh và dự báo tình hình

3.1.1. Thuận lợi

Thứ nhất, công tác bảo đảm vệ sinh ATTP được Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đảng bộ, chính quyền các cấp đặc biệt quan tâm nên công tác này trên địa bàn tỉnh đã được triển khai tương đối đồng bộ từ tuyến tỉnh đến tuyến xã với sự tham gia, phối hợp khá chặt chẽ, thường xuyên của các sở, ban, ngành có liên quan;

Thứ hai, Ban chỉ đạo VSATTP đã được kiện toàn từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn. Các Ban chỉ đạo này đã phát huy được khá tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo công tác VSATTP tại địa phương. Hàng năm các sở, ban, ngành, đoàn thể chủ động phối hợp triển khai kế hoạch đảm bảo VSATTP của tỉnh, trong đó, đặc biệt lưu ý đến việc phối hợp tổ chức các chiến dịch truyền thông, tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra, vừa bảo đảm bao quát được các địa bàn cần thanh tra, kiểm tra, vừa tránh sự chồng chéo, gây phiền hà cho doanh nghiệp.

Thứ ba, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1674/QĐ - UBND ngày 26/06/2012 phê duyệt kế hoạch thực hiện chiến lược Quốc gia về ATTP tỉnh giai đoạn 2011 - 2020 tầm nhìn đến năm 2030. Kế hoạch đề ra các chỉ tiêu giai đoạn, hàng năm để làm căn cứ cho các cấp, ngành thực hiện. Tỉnh cũng đã bố trí tăng ngân sách đầu tư cho công tác bảo đảm VSATTP năm sau cao hơn năm trước, tạo thuận lợi cho việc triển khai kế hoạch.

Thứ tư, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 11/2013/QĐ - UBND ngày 26/4/2013 về phân cấp quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn

tỉnh; Quyết định 1506/QĐ - UBND ngày 15/06/2016 về phân công quản lý đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ; Chỉ thị số 17/CT - UBND ngày 25/7/2016 về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP... Các văn bản này đã củng cố thêm cơ sở pháp lý triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

Thứ năm, việc triển khai xây dựng mô hình tự quản ATTP bếp ăn tập thể theo chỉ thị 03/2010/CT - UBND ngày 21/7/2010 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác bảo đảm ATTP, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch số 77/KH - BCD ngày 26/7/2010 và Kế hoạch số 102/KH - BCDATTP ngày 27/11/2013 của Ban chỉ đạo ATTP tỉnh đã bước đầu phát huy tác dụng, góp phần làm giảm số vụ ngộ độc thực phẩm trên địa bàn tỉnh giảm.

3.1.2. Khó khăn

Thứ nhất, trong những năm gần đây tỉnh Bình Dương có tốc độ phát triển công nghiệp nhanh, thu hút số lượng dân nhập cư rất lớn dẫn đến tình trạng xuất hiện nhiều chợ tự phát, buôn bán thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ. Thêm vào đó, số lượng cửa hàng kinh doanh thức ăn đường phố ngày càng nhiều, đặc biệt là tại các khu, cụm công nghiệp. Điều đó làm cho việc kiểm soát chất lượng thực phẩm tại các chợ tự phát và tại các cửa hàng kinh doanh thức ăn đường phố rất khó khăn.

Thứ hai, Bình Dương là một trong các tỉnh nằm trong vành đai vận chuyển nguyên liệu thực phẩm, đặc biệt là nguyên liệu, thực phẩm tươi sống được vận chuyển từ các tỉnh thuộc khu vực khác về cung cấp cho các tỉnh miền Đông Nam Bộ nói chung và Bình Dương nói riêng, phục vụ người dân tại các khu, cụm công nghiệp. Trong khi đó, cho tới nay, việc xây dựng, ban

hành quy chế phối hợp giữa các tỉnh trong việc kiểm soát nguyên liệu thực phẩm vẫn chưa được thực hiện.

Thứ ba, đội ngũ cán bộ làm công tác VSATTP của các ngành còn thiếu, đặc biệt là lực lượng cán bộ làm công tác thanh - kiểm tra. Trên thực tế, số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được kiểm tra, giám sát mới đạt khoảng 40%/tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Điều này làm cho hiệu quả quản lý VSATTP chưa thực sự cao.

Thứ tư, việc kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng thực phẩm chưa đáp ứng được với yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hiện nay, phòng xét nghiệm ở tuyến tỉnh chỉ thực hiện được các xét nghiệm cơ bản. Tỉnh chưa có trung tâm kiểm nghiệm chuyên ngành phục vụ cho công tác dự báo, cảnh báo và kiểm soát các nguy cơ ô nhiễm thực phẩm, ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm.

3.1.3. Dự báo tình hình an toàn thực phẩm trong thời gian tới

Trong giai đoạn từ nay tới 2020, mặc dù kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, bất ổn nhưng Việt Nam nói chung và tỉnh Bình Dương nói riêng sẽ tiếp tục phát triển. Việc mở rộng thị trường, thu hút đầu tư và công nghệ vào tỉnh Bình Dương sẽ tiếp tục diễn ra. Tuy nhiên, Bình Dương cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trước mắt như:

- Sự gia tăng dân số do dân nhập cư từ các tỉnh khác về làm ăn tại các khu công nghiệp của tỉnh. Điều này đặt ra vấn đề bảo đảm an ninh lương thực, kiểm soát được áp lực nhập cư lên tài nguyên, nguồn nước uống, hệ sinh thái. Thêm vào đó, cách ăn uống truyền thống cũng thay đổi theo đó số lượng người sử dụng thức ăn chế biến sẵn, thức ăn nhanh, sử dụng thực phẩm tại các chợ tự phát ngày càng tăng. Điều này làm tăng nguy cơ ngộ độc thực phẩm cho cộng đồng.

- Với khí hậu nóng ẩm kéo dài, các vi sinh vật phát triển mạnh, việc bảo quản thực phẩm gặp không ít khó khăn. Điều này có thể góp phần làm gia tăng các vụ ngộ độc thực phẩm có nguồn gốc vi sinh vật. Thêm vào đó, hóa chất độc hại làm ô nhiễm nặng nề đất, nước, ô nhiễm trong quá trình sản xuất thực phẩm cũng làm gia tăng nguy cơ phát triển các bệnh ung thư, nhiễm độc mạn tính, quái thai, dị ứng...khi người tiêu dùng sử dụng phải thực phẩm không an toàn.

- Nhiều nước trên thế giới đầu tư mạnh vào nghiên cứu sử dụng các sản phẩm thực phẩm biến đổi gen, thực phẩm chiếu xạ, sử dụng các chất kích thích tăng trưởng, các thuốc kháng sinh được ứng dụng để tăng năng suất vật nuôi, cây trồng. Tuy nhiên, không phải thực phẩm nào trong các dạng trên cũng bảo đảm an toàn cho người tiêu dùng. Không ít thực phẩm dạng này được xem là làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Do đó người tiêu dùng và các nước nhập khẩu thực phẩm ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng, đảm bảo ATTP thông qua các hàng rào kỹ thuật hoặc các biện pháp khác nhằm tăng cường bảo hộ cho sản xuất trong nước.

Với Dự báo tình hình an toàn thực phẩm trong thời gian tới như trên, tỉnh đã đặt ra mục đích, yêu cầu đối với công tác quản lý VSATTP trong tình hình mới gắn với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Cụ thể:

Tỉnh đặt ra mục đích, công tác đảm bảo VSATTP trên địa bàn tỉnh phải được các cấp, các ngành quản lý một cách chủ động, có hiệu quả dựa trên các bằng chứng và thực hiện kiểm soát theo chuỗi cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, khu vực và quốc gia. Thêm vào đó, các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm phải hướng tới đảm bảo sức khỏe người dân, ngăn ngừa bệnh tật có liên quan đến thực phẩm, kéo dài tuổi thọ, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Công tác bảo đảm ATTP phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Công tác bảo đảm VSATTP trên địa bàn tỉnh phải được triển khai đầy đủ các hoạt động đã đề ra trong kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia về ATTP tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 1674/QĐ - UBND ngày 26/6/2012.

- Công tác bảo đảm VSATTP trên địa bàn tỉnh phải được coi là một nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, lâu dài của cả hệ thống chính trị và của mỗi người dân, trong đó đề cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cán bộ, Đảng viên và công chức.

- Đi đôi với công tác quy hoạch chợ thì cần tăng cường kiểm soát các chợ tự phát và nâng cao ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về VSATTP đối với các cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố tại các khu, cụm công nghiệp, khu đông dân cư.

- Tăng cường kiểm soát nguồn nguyên liệu thực phẩm từ bên ngoài vào tỉnh cũng như xây dựng các vùng nuôi, trồng an toàn, đảm bảo cung cấp nguồn nguyên liệu thực phẩm an toàn cho người dân và đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Xác định công tác thông tin, giáo dục, truyền thông, hướng dẫn, phổ biến việc chấp hành pháp luật về VSATTP.

- Xã hội hóa sâu rộng và tạo điều kiện cho các hội, hiệp hội, tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ về VSATTP; đồng thời đi sâu đào tạo trên các lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn, kiểm nghiệm VSATTP và áp dụng các hệ thống quản lý VSATTP tiến tiến.

- Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế, sử dụng có hiệu quả các nguồn đầu tư trong việc thực hiện chiến lược quốc gia bảo đảm ATTP trên địa bàn tỉnh.

3.2. Kiến nghị

Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng và thực thi pháp luật an toàn thực phẩm. Nhiều văn kiện, Nghị quyết của Đảng, văn bản pháp luật của Nhà nước đã khẳng định tầm quan trọng của công tác bảo đảm an toàn thực phẩm nhằm bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Đặc biệt, chiến lược quốc gia về ATTP giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn 2030 đã nêu rất rõ quan điểm về vấn đề này:

Thứ nhất, bảo đảm an toàn thực phẩm chính là bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng và sức khỏe nhân dân, là một nhiệm vụ thường xuyên cần tập trung chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, là trách nhiệm và quyền lợi của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm và của mỗi người dân;

Thứ hai, tổ chức thực hiện đồng bộ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, đẩy mạnh việc áp dụng các biện pháp tiên tiến trong quản lý an toàn thực phẩm;

Thứ ba, tăng cường công tác thông tin, truyền thông nhằm tạo sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức của người sản xuất, người tiêu dùng và toàn xã hội về giữ gìn vệ sinh, bảo đảm an toàn thực phẩm.

Tuy nhiên, để cụ thể hóa những quan điểm, chính sách này, đồng thời để đảm bảo nâng cao chất lượng, hiệu quả thi hành pháp luật an toàn thực phẩm. Tác giả, xin nêu ra một số kiến nghị và các nhóm giải pháp khác phù hợp với đặc thù của Tỉnh Bình Dương trong thời gian tới.

3.2.1. Kiến nghị đối với Quốc hội

- Tăng cường giám sát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết số 34/2009/NQ-QH12 ngày 19/6/2009 về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng, VSATTP phẩm, đặc biệt là đối với vấn đề bố trí kinh phí đảm bảo đủ mức cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quản lý ATTP.

- Việc phân công quản lý theo Luật ATTP cần phải được xem xét đánh giá và điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp thực tiễn nhằm vừa đảm bảo nâng cao công tác quản lý về ATTP, vừa tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp phát triển kinh tế đóng góp cho sự phát triển của địa phương và đất nước. Việc phân công quản lý nên thực hiện mỗi ngành quản lý hoàn toàn 01 quá trình (ngành Nông nghiệp quản lý toàn bộ quá trình trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt... đã có sẵn nhân lực có chuyên môn nghiệp vụ), ngành Y tế quản lý toàn bộ quá trình chế biến thực phẩm, tiêu chuẩn chất lượng thực phẩm (đã có nhân lực và mạng lưới phù hợp từ Trung ương đến địa phương), ngành Công thương quản lý toàn bộ quá trình lưu thông sản phẩm trên thị trường (đã có lực lượng quản lý thị trường).

- Quy định thống nhất và cụ thể trách nhiệm cho từng ngành trong việc quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ để tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các ngành.

3.2.2. Đối với Chính phủ

- Tiếp tục cho mở rộng thí điểm thanh tra chuyên ngành ATTP tại các tỉnh.

- Bố trí ngân sách đủ đảm bảo theo Kế hoạch của dự án ATTP thuộc chương trình mục tiêu y tế – dân số giai đoạn 2016 – 2020.

3.2.3. Kiến nghị với các Bộ, ngành có liên quan

Bộ Y tế: tăng cường công tác đào tạo tập huấn cho cán bộ chương trình các tuyến trong công tác quản lý ATTP; tiếp tục xây dựng, ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật cho các sản phẩm, nhóm sản phẩm thực phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật; rà soát và cập nhật định kỳ các phụ gia thực phẩm được phép sử dụng vào danh mục cho phép.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: tiếp tục tăng cường kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ việc kinh doanh, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật,

thuốc thú y sử dụng trong chăn nuôi. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng công tác quản lý chất lượng nông lâm thủy sản, lĩnh vực bảo vệ, kiểm dịch thực vật.

Bộ Công thương: tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát thực phẩm nhập lậu qua biên giới và hàng giả, hàng nhái trên thị trường.

Bộ Thông tin và Truyền thông: tiếp tục chỉ đạo các đơn vị chức năng giám sát và quản lý chặt chẽ việc quảng cáo thực phẩm nhất là thực phẩm chức năng của các đơn vị phát hành quảng cáo (vì hiện nay theo quy định của pháp luật tất cả các nội dung quảng cáo về thực phẩm chức năng phải được thẩm định nội dung của cơ quan y tế thì quảng cáo đó mới được phát hành nhưng hiện nay rất nhiều các đơn vị phát hành quảng cáo vi phạm quy định này, quảng cáo cho những nội dung chưa có thẩm định, quảng cáo thực phẩm chức năng như thần dược... nhưng cơ quan y tế rất khó xử lý đối với báo, đài, nhà in, nhà xuất bản).

Bộ Nội vụ: bổ sung thêm biên chế cán bộ chuyên trách về quản lý ATTP ở các cấp, đặc biệt là cán bộ chuyên trách ATTP tại tuyến xã và lực lượng thanh tra chuyên ngành tại tuyến huyện.

Bộ Tài chính:

- Tăng cường đầu tư kinh phí Trung ương cho hoạt động về ATTP, đặc biệt là kinh phí đầu tư cho các hoạt động kiểm nghiệm đánh giá chất lượng sản phẩm.

- Khẩn trương hướng dẫn cho địa phương được giữ lại 100% kinh phí xử phạt hành chính về ATTP theo chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ tại Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP.

3.3. Nhóm các giải pháp

3.3.1. Nhóm giải pháp về thể chế, chính sách

Thứ nhất, từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm. Ban hành các văn bản hướng dẫn và các văn bản quy định khác phục vụ công tác quản lý phù hợp với Luật An toàn thực phẩm và các yêu cầu của hội nhập quốc tế và sự phát triển của tỉnh Bình Dương.

Thứ hai, khẩn trương nghiên cứu đề ra chính sách phát triển vùng sản xuất nguyên liệu thực phẩm theo hướng sản xuất lớn, gắn với việc phát triển thị trường hàng hóa nông sản an toàn; khuyến khích, hỗ trợ hoặc cho vay vốn để các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xây dựng thương hiệu, phát triển hệ thống cung cấp thực phẩm an toàn.

Thứ ba, tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo thu hút nguồn nhân lực có chuyên môn, nghiệp vụ đủ sức để thực hiện quản lý nhà nước về VSATTP; tạo điều kiện thuận lợi thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực cung cấp rau và giết mổ gia súc, gia cầm theo quy trình công nghiệp.

Thứ tư, tiếp tục bổ sung, xây dựng mới quy hoạch các khu vực chợ, khu vực kinh doanh thức ăn đường phố gắn với quy hoạch đô thị, quy hoạch dân cư, quy hoạch nông thôn.

Thứ năm, có chính sách hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật về VSATTP.

Thứ sáu, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp đối với công tác bảo đảm VSATTP. Đưa ra chỉ tiêu bảo đảm VSATTP vào Nghị quyết của các cấp ủy Đảng, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm của Ủy ban nhân dân các cấp để chủ động đề ra các giải pháp phù hợp, khả thi đến mọi người dân.

Thứ bảy, tăng cường giáo dục, phổ biến pháp luật về VSATTP.

3.3.2. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện

Thứ nhất, cần hoàn thiện cơ quan quản lý nhà nước (nói chung) về an toàn thực phẩm. Riêng đối với tỉnh Bình Dương, tiếp tục kiện toàn Ban chỉ đạo VSATTP ở các cấp, trong đó, ngành Y tế là đầu mối tổ chức phối hợp chặt chẽ với các ngành trong việc quản lý VSATTP và chia sẻ thông tin.

Thứ hai, củng cố kiện toàn các cơ quan kiểm tra nhà nước về VSATTP; tổ chức hệ thống thanh tra chuyên ngành về VSATTP ở các sở, Chi cục theo quy định của Pháp luật; thành lập thanh tra chuyên ngành về VSATTP tại tuyến huyện.

Thứ ba, thiết lập hệ thống thông tin liên thông giữa các cơ quan quản lý nhà nước để phối hợp kiểm tra, giám sát về VSATTP; xây dựng quy chế phối hợp giữa các tỉnh, thành lân cận trong việc kiểm soát các nguồn nguyên liệu thực phẩm đưa vào tỉnh.

Thứ tư, trên cơ sở quy định của trung ương, cần nghiên cứu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật của địa phương về VSATTP đối với các mặt hàng đặc thù của Bình Dương.

Thứ năm, tiếp tục phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các quy định về VSATTP cho các doanh nghiệp chế biến thực phẩm; đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện VSATTP.

Thứ sáu, tổ chức tư vấn và khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến về ATTP (GMP, GHP, HACCP, ISO 22000, VietGap...) trong sản xuất, chế biến thực phẩm.

Thứ bảy, thực nghiệm và nhân rộng các mô hình áp dụng thực hành sản xuất tốt trong sản xuất rau, củ, quả và chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản gắn với chứng nhận và công bố tiêu chuẩn chất lượng.

Thứ tám, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra VSATTP nhất là thanh tra, kiểm tra đột xuất và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Nâng cao

trách nhiệm quản lý đối với từng cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ. Giám sát chặt chẽ việc kinh doanh và sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật, chất kích thích tăng trưởng, phụ gia thực phẩm; tăng cường kiểm soát thực phẩm nhập lậu, hàng gian, hàng giả.

Thứ chín, thông tin kịp thời và chính xác, trung thực các vấn đề liên quan đến VSATTP. Bên cạnh phê phán những tồn tại yếu kém, những hành vi vi phạm về VSATTP cần biểu dương những điển hình tiên tiến, tránh đưa thông tin gây hoang mang trong dư luận ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế xã hội.

3.3.3. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực

Thứ nhất, tăng cường biên chế cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý VSATTP của các tuyến; tổ chức bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, thanh tra VSATTP, cán bộ làm công tác xét nghiệm có đủ khả năng quản lý và điều hành các hoạt động về VSATTP trong tỉnh; phát triển và xem xét, điều chỉnh nâng kinh phí hỗ trợ mạng lưới cộng tác viên ATTP tại các Xã/phường/thị trấn cho phù hợp.

Thứ hai, đầu tư kinh phí nâng cấp một số phòng kiểm nghiệm tại tỉnh đủ năng lực để thực hiện đầy đủ các xét nghiệm phục vụ công tác quản lý ATTP.

Thứ ba, đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng các nguồn lực tài chính. Khẩn trương ban hành danh mục và lộ trình xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực quản lý, đầu tư, liên doanh, dịch vụ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, tổ chức chứng nhận...phục vụ công tác quản lý VSATTP; phát huy vai trò của các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp, cá nhân trong việc tham gia bảo đảm VSATTP.

Thứ tư, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học: đầu tư kinh phí cho các đề tài nghiên cứu xác định, đánh giá và các giải pháp can thiệp nhằm cải thiện tình trạng ATTP. Tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác nghiên cứu khoa học về lĩnh vực VSATTP.

Thứ năm, Tập huấn để bổ sung kiến thức pháp luật về vệ sinh, an toàn thực phẩm, đồng thời phát huy vai trò của nhân dân trong việc đấu tranh, phát hiện tố giác các hành vi vi phạm quy định về bảo đảm VSATTP là một trong những giải pháp để góp phần trong công tác chăm sóc, bảo vệ và không ngừng nâng cao sức khỏe người dân.

Kết luận Chương 3

Trong chương 3, tác giả đã nêu lên được những thuận lợi và khó khăn, đồng thời đưa ra dự báo về tình hình ATTP trong thời gian tới trên địa bàn tỉnh. Nhấn mạnh mục đích yêu cầu đối với công tác quản lý ATTP trong tình hình mới gắn với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Dương.

Qua phân tích pháp luật về ATTP và tìm hiểu thực tiễn tại tỉnh Bình Dương, tác giả đưa ra những kiến nghị chung và riêng, những nhóm giải pháp nhằm tăng cường bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATTP phù hợp với đặc thù của tỉnh.

KẾT LUẬN

Hiện nay, vệ sinh, an toàn thực phẩm là một trong những vấn đề đang được quan tâm hàng đầu ở Việt Nam cũng như ở nhiều quốc gia khác trên thế giới. Bởi lẽ vì mục tiêu lợi nhuận, không ít nhà sản xuất, kinh doanh đã cung ứng cho người tiêu dùng thực phẩm không an toàn, gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của người tiêu dùng. Ở Việt Nam, trong những năm gần đây, hàng loạt vụ thực phẩm bẩn đã bị các cơ quan chức năng phát hiện và xử lý cho thấy tình hình xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm chưa hoàn toàn được ngăn chặn, kiểm soát. Một môi trường kinh doanh mà thực phẩm bẩn – sạch, thật – giả lẫn lộn, khiến thực phẩm sạch càng khó khăn hơn trong cạnh tranh còn người tiêu dùng gặp nhiều lúng túng trong việc lựa chọn thực phẩm hàng ngày.

Bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm mặc dù đã có được sự quan tâm của Đảng và nhà nước trong thời gian qua về mặt thể chế và tổ chức thực thi nhưng thực tiễn thi hành ở tỉnh Bình Dương vẫn cho thấy còn nhiều vướng mắc. Nghiên cứu này đã góp phần khắc họa rõ hơn thực trạng ấy.

Từ những luận cứ, luận điểm như đã trình bày trong luận văn, tác giả rút ra một số kết luận sau:

Luận văn đã làm rõ và phân tích những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm như các khái niệm, đặc điểm, các biện pháp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực VSATTP. Theo đó, người tiêu dùng thực phẩm được bảo vệ các quyền lợi của mình vừa theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vừa theo quy định của Luật An toàn thực phẩm. Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm vì thế vừa bao gồm các quy định chung về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vừa bao gồm các quy định bảo đảm an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng.

Luận văn đã nghiên cứu, phân tích, đánh giá những quy định của Luật

Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 và Luật An toàn thực phẩm năm 2010 về quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng nói chung và người tiêu dùng trong lĩnh vực thực phẩm nói riêng, nêu ra các cơ chế, phân tích đánh giá và bình luận các cơ chế theo pháp luật hiện hành như cơ chế khiếu nại, khởi kiện; cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm.

Phân tích thực tiễn thi hành pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm tại Bình Dương thời gian qua cho thấy, bên cạnh những thành tựu đạt được, những hạn chế, vướng mắc khi áp dụng pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng và pháp luật về an toàn thực phẩm vẫn còn hiện diện trên thực tế. Trên cơ sở đó, tác giả luận văn đề xuất một số kiến nghị, các nhóm giải pháp nhằm tăng cường bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh, an toàn thực phẩm. Trong số đó, phải kể tới các kiến nghị như: thời hiệu, thời hạn trong xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực ATTP; Bộ luật Hình sự 2015; Bộ luật Dân sự 2015 về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do thực phẩm không an toàn gây ra cho người tiêu dùng. Ngoài ra, cũng phải kể tới các nhóm giải pháp nhằm tăng cường việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng như: hoàn thiện thể chế, chính sách có liên quan; tăng cường công tác tổ chức thực hiện; tăng cường nguồn lực cho việc tổ chức thực thi.

Trong quá trình thực hiện luận văn, tác giả đã nhận được sự giúp đỡ từ phía Học Viện Khoa học Xã hội và một số đơn vị khác trong việc cung cấp tài liệu và số liệu. Đặc biệt, là sự tận tình hướng dẫn, giúp đỡ của TS. Nguyễn Văn Cương trong quá trình thực hiện luận văn. Xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các cá nhân và đơn vị nêu trên.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng do hạn chế về khả năng và kinh nghiệm nghiên cứu khoa học nên không tránh khỏi những khiếm khuyết, sai sót. Tác giả rất mong nhận được sự góp ý của các nhà khoa học, quý Thầy, Cô giáo và những ai quan tâm đến vấn đề này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Vân Anh (2012), *Vai trò của Hội bảo vệ người tiêu dùng trong việc bảo vệ người tiêu dùng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
2. Nguyễn Thị Vân Anh - Nguyễn Văn Cương (2012), *Giáo trình Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
3. Bộ Tư pháp (2015), *Báo cáo số 142/BC-BTP của Bộ Tư pháp ngày 25/5/2015 về tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè*, Hà Nội;
4. Bộ tư pháp (2008), *Cơ chế pháp lý bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, Báo cáo phúc trình đề tài Khoa học cấp Bộ, Hà Nội;
5. Chính phủ (2011), *Nghị định số 99/2011/NĐ - CP ngày 27/10/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010*, Hà Nội;
6. Chính phủ (2012), *Nghị định số 38/2012/NĐ - CP ngày 24/5/2012 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật An toàn thực phẩm năm 2010*; Hà Nội;
7. Cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương (2008), *Báo cáo nghiên cứu chuyên đề “so sánh luật bảo vệ người tiêu dùng một số nước trên thế giới - bài học kinh nghiệm và đề xuất một số nội dung cơ bản trong dự thảo luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của Việt Nam”*, Hà Nội;
8. Cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương (2006), *Sổ tay công tác bảo vệ người tiêu dùng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
9. Ngô Vĩ Bạch Dương (2010), *Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong pháp luật cạnh tranh*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, (số 17(178)), tr.37 - 42;
10. Nguyễn Trọng Điệp, *Quyền khiếu nại của người tiêu dùng – cần một cơ chế hợp lý*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia, Hà Nội, Luật học (số 27 (2011)), tr.207 – 211;

11. Lê Hồng Hạnh (2010), *Trách nhiệm sản phẩm và việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong pháp luật Việt Nam*, Tài liệu Hội thảo Pháp ngữ khu vực “Bảo vệ người tiêu dùng từ hai góc độ Á - Âu”, Hà Nội;
12. Đồng Thị Hậu (2016), *Pháp luật an toàn vệ sinh thực phẩm trong lĩnh vực cung ứng thức ăn công nghiệp từ thực tiễn tỉnh Bình Dương*, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Học Viện Khoa học Xã hội;
13. Hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), *Quy định chung của Mỹ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm*;
14. Định Thế Hưng (2010), *Bảo vệ người tiêu dùng bằng pháp luật hình sự*, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (số 10 (171)), tr.38;
15. Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh (2016), *Thực trạng phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm và một số kiến nghị*, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, Trường ĐH Luật Tp. Hồ Chí Minh, (số 09 (103)), tr.35 - 42;
16. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Bình Dương (2016), *Hội thảo khoa học chuyên đề: “An toàn vệ sinh thực phẩm - Từ nhận thức đến hành động nhằm tăng cường hiệu quả công tác bảo đảm trong thực hiện và quản lý”*.
17. Cao Vũ Minh (2016), *Những bất cập về thời hiệu và thời hạn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm*, *Tạp chí Khoa học Pháp lý*, ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh, (số 09 (103)), tr.27 - 34;
18. Nguyễn Phương Nam (2014), *Thực trạng pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, *Báo cáo tại Hội thảo “Nhìn lại 03 năm thực thi Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng”*, Hà Nội;
19. Nguyễn Như Phát (2010), *Một số vấn đề lý luận xung quanh Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (số 2(262)), tr.13 - 18;
20. Quốc Hội (2005), *Bộ luật Dân sự 2005*, Hà Nội;

21. Quốc Hội (2015), *Bộ luật Dân sự 2015*, Hà Nội;
22. Quốc Hội (2009), *Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Hà Nội;
23. Quốc Hội (2015), *Bộ luật Hình sự 2015*, Hà Nội;
24. Quốc Hội (2010), *Luật An toàn thực phẩm năm 2010*, Hà Nội;
25. Quốc Hội (2010), *Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010*, Hà Nội;
26. Quốc Hội (2007), *Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007*, Hà Nội;
27. Quốc Hội (2006), *Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006*, Hà Nội;
28. Quốc Hội (2012), *Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012*, Hà Nội;
29. Ngô Thị Út Quyên (2012), *Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của một số nước trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội;
30. Tòa án nhân dân tối cao (2015), *Thống kê xét xử tội vi phạm quy định về vệ sinh, an toàn thực phẩm*, Hà Nội;
31. Đinh Thị Hồng Trang (2014), *Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, (số tháng 12 (273)), tr.10 - 14;
32. Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (2016), *Báo cáo kết quả nghiên cứu dự án điều tra cơ bản “thực trạng thi hành pháp luật An toàn thực phẩm và vai trò của các cơ quan bảo vệ pháp luật”*, Hà Nội;
33. Nguyễn Diệu Vũ (2016), *Bảo vệ người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh thực phẩm theo pháp luật nước ta hiện nay*, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Học Viện Khoa học Xã hội;

34. Hoàng Diên, *Chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2020*, Bộ Y tế - Cục an toàn thực phẩm, <http://vfa.gov.vn/tin-tuc/chien-luoc-quoc-gia-an-toan-thuc-pham-giai-doan-2011-2020.html>, ngày cập nhật 08/01/2012;
35. Thùy Dung, *Tăng cường công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm*, <http://www.quangnam.gov.vn/CMSPages/BaiViet/Default.aspx?IDBaiViet=19946>, ngày cập nhật 27/04/2016;
36. T.H, *Năm 2015, 261 DN bị xử phạt vì vi phạm an toàn thực phẩm*, Hà Nội mới, <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Thuong-hieu-DN/820678/nam-2015-261-dn-bi-xu-phat-vi-vi-pham-an-toan-thuc-pham>, ngày cập nhật 04/01/2016;
37. Đinh Hoa, Bình Dương: *Số vụ ngộ độc thức ăn tại các KCN giảm đáng kể*, Dân sinh, <http://baodansinh.vn/binh-duong-so-vu-ngo-doc-thuc-an-tai-cac-khu-cong-nghiep-giam-dang-ke-d20838.html>, ngày cập nhật 26/11/2015;
38. Thanh Lê, *Chung tay “đẹp” nạn thực phẩm bẩn*, Báo Bình Dương, <http://baobinhduong.vn/chung-tay-dep-nan-thuc-pham-ban-a141320.html>, ngày cập nhật 12/05/2016;
39. Việt Tiên, *Hội luật sư bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, facebook, <https://m.facebook.com/luatsubaovenguoitiedung/posts/666774036773569>, ngày cập nhật 09/12/2014;
40. Đinh Thiên Thuận, *Thanh kiểm tra an toàn thực phẩm 9 tháng đầu năm 2016*, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Dương, <http://sonongnghiep.binhduong.gov.vn/sites/Chitiettin.aspx?tagdf=1&tag=700>, ngày cập nhật 19/10/2016;
41. VFA, *Tin xử phạt vi phạm hành chính an toàn thực phẩm Quý I/2016*, Bộ Y tế - Cục An toàn thực phẩm, <http://www.vfa.gov.vn/thanh-kiem-tra/tin-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-an-toan-thuc-pham-quy-i2016.html>, ngày cập nhật 30/03/2016.